

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



FIMEX VN

Công Ty
Cổ Phần
Thực Phẩm
Sao Ta

Digitally signed by Công Ty Cổ
Phần Thực Phẩm Sao Ta
DN: C=VN, S=SÓC TRĂNG, L=
Thành Phố Sóc Trăng, CN=Công
Ty Cổ Phần Thực Phẩm Sao Ta,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:2200208753
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.04.20 13:56:56+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2023.3.0

Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG:	3
1. Thông tin khái quát:	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	8
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	10
4. Định hướng phát triển:	13
5. Các rủi ro:	16
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:	20
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	20
2. Tổ chức và nhân sự:	21
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	27
4. Tình hình tài chính:	28
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	30
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty :	33
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:	37
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	37
2. Tình hình tài chính:	38
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	40
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	40
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:	41
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:	43
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	43
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:	44
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:	45
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	47
1. Hội đồng quản trị:	47
2. Hoạt động của Ban kiểm soát:	53
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:	54
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	57
1. Ý kiến kiểm toán	57
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	57
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	57

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

Tên tiếng Anh: SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: FIMEX VN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2200208753 (Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 25 ngày 30/11/2025 do Phòng đăng ký kinh doanh của Sở tài chính Thành phố Cần Thơ cấp).

Biểu tượng Công ty:



Slogan: “*Tinh tế thơm ngon, khơi nguồn cảm hứng*”

Vốn điều lệ: 653.888.890.000 đồng

Địa chỉ: 750 Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ.

Số điện thoại: (0299)3822223 - 3822201

Số fax: (0299) 3822122 - 3825665

Website: www.fimexvn.com

Email: info@fimexvn.com

Mã cổ phiếu: FMC

Sàn giao dịch: Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Quá trình hình thành và phát triển:

Năm	Sự kiện
2002	Ngày 09/10/2002, UBND Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty thực phẩm Xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần.
2003	Ngày 01/01/2003, Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần với tên Công ty là: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó Nhà nước giữ 77% sở hữu.

Năm	Sự kiện
	Ngày 22/1/2003, Công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn Nhà nước còn 60%.
2005	Ngày 09/08/2005, Công ty thực hiện đấu giá 11 % vốn điều lệ để giảm tỷ lệ sở hữu Nhà nước xuống còn 49%.
2006	Ngày 22/06/2006 tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh), Công ty tiếp tục đấu giá bán 16 tỷ đồng vốn sở hữu Nhà nước. Ngày 7/12/2006, cổ phiếu Công ty được niêm yết lần đầu trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán FMC. Tổng số lượng niêm yết là 6 triệu cổ phiếu, trong đó Nhà nước nắm giữ 20%.
2007	Công ty tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của Công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/07/2007, Công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.
2008	Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm cổ phiếu theo Công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.
2009	Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định nhằm duy trì niêm yết cổ phiếu FMC tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Luật Chứng khoán, đến tháng 02/2009, Công ty phát hành thêm cổ phiếu với tổng giá trị 1 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 17,25%. Tháng 05/2009, FMC chính thức nâng tổng số cổ phiếu được niêm yết lên 8.000.000 cổ phiếu.
2011	Công ty đã thực hiện đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc bán 777.370 cổ phiếu quỹ để có nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi nên giao dịch chưa được hoàn thành. Đến năm 2014, Công ty mới bán hết lượng cổ phiếu quỹ đã đăng ký.
2013	Thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường diễn ra ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty Cổ phần Hùng Vương, nâng tổng vốn điều lệ của FMC lên 130 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước chiếm 10,62%. Tháng 04/2013, cổ phiếu FMC tiếp tục niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số lượng niêm yết lên 13.000.000 cổ phiếu.
2014	Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 130 tỷ lên thành 200 tỷ đồng. Việc phát hành này đã thực hiện xong tại thời điểm 31/12/2014.

Năm	Sự kiện
2015	Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%. Tháng 03/2015, Công ty đã hoàn thành việc niêm yết và lưu ký bổ sung đối với 7 triệu cổ phiếu vừa phát hành trong năm 2014.
2016	Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ bất thường năm 2015, Công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới) để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 300 tỷ đồng. Việc phát hành 10 triệu cổ phiếu mới hoàn thành trong tháng 04/2016 và niêm yết, lưu ký bổ sung trong tháng 5/2016.
2017	Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2017, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn điều lệ từ 300 tỷ lên 390 tỷ đồng.
2018	Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ của ĐHĐCĐ thường niên 2018, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018, nâng vốn điều lệ từ 390 tỷ lên 402 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Tập đoàn Pan trở thành cổ đông chiến lược của FMC.
2019	Thực hiện theo Nghị quyết số 17/NQ ĐHĐCĐ ngày 05/04/2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ 402 tỷ lên 490,44 tỷ đồng bằng việc hoàn thành đợt phát hành 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành 804.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty.
2021	Phát hành ra công chúng số lượng 9.806.000 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/10/2020, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 588.500.000.000 đồng; Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược số lượng 6.538.889 cổ phiếu theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/11/2021 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nâng vốn điều lệ Công ty lên 653.888.890.000 đồng.
2023	Nhà máy mới STSE tại Khu công nghiệp An Nghiệp đã chính thức đi vào hoạt động ngày 12/01/2023, đánh dấu mốc quan trọng trong chiến lược phát triển của Công ty. Với trang thiết bị hiện đại và công nghệ tiên tiến, nhà máy mới sẽ giúp Công ty nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của thị trường. Bên cạnh đó, Công ty đã hợp tác với Khang An để thả nuôi tôm trên diện tích 52 hecta và cơ bản hoàn tất việc tham gia vốn và thả nuôi tại trại tôm Vĩnh Thuận rộng 203 hecta. Theo đó, việc mở rộng diện tích vùng nuôi giúp Công ty chủ động nguồn nguyên liệu, đảm bảo chất lượng sản phẩm và tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Tình hình hoạt động:

- Trong thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay, Công ty làm ăn đều tốt và có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2, Công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào Top 5 doanh nghiệp có kim ngạch

xuất khẩu tôm lớn nhất cả nước, kéo dài từ 1997 đến nay. Nhiều năm liền, Công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào thị trường Nhật Bản.

- Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty nằm trong Top dẫn đầu. 8 năm từ 1997 đến 2004 và năm 2006, Công ty được Chính phủ tặng thưởng cờ thi đua. Ngoài ra, Công ty đạt doanh nghiệp uy tín xuất khẩu trong nhiều năm liền.
 - FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 250 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC nhằm tạo thêm an tâm về tôm sạch cho khách hàng.
 - Năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc xây dựng cơ bản Nhà máy Thủy sản Tin An và đang cho tiến hành chạy thử. Kể từ ngày 01/01/2018, Nhà máy đã chính thức đưa vào hoạt động.
 - Năm 2019, nhằm hoàn thiện mô hình tổ chức và nâng cao vai trò các đơn vị trực thuộc có quy mô lớn, Công ty đã thành lập 02 chi nhánh trực thuộc. Nhà máy Thủy sản Nam An được đặt tại trụ sở chính của Công ty có chức năng thu mua, chế biến các mặt hàng thủy sản đông lạnh xuất khẩu. Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú tại thửa số 1, bản đồ số 13 tại ấp Tân Nam, xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nhằm thử nghiệm các giải pháp nuôi thủy sản an toàn, bền vững, hiệu quả. Ngoài ra, Công ty tiến hành đầu tư, mở rộng diện tích nuôi tôm tại khu đất bên cạnh khu nuôi tôm TaNa Farm tại xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Khu nuôi mới này có diện tích hơn 81 hecta, dự kiến hoàn thành và bắt đầu thả nuôi vào quý 2/2020. Đồng thời đó, Công ty cũng đầu tư kho lạnh 6.000 tấn tại Khu Công nghiệp An Nghiệp tỉnh Sóc Trăng và cũng dự kiến đưa vào hoạt động trong quý 2/2020.
 - Năm 2023, Công ty tiến hành hoạt động nuôi trồng ở khu mới Vinafarm 200 ha và hoàn tất thả nuôi trong tháng 7. Ngoài ra, Công ty nhận thấy nhiệt độ vào cuối năm sẽ cao hơn trung bình 2°C nên đã quyết định nuôi tôm mùa nghịch, bắt đầu thả giống vào tháng 11 và hoàn tất trong tháng 12 để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho các nhà máy. Kết quả vụ nuôi này đã thu hoạch được kết quả đáng kể góp phần không nhỏ vào hiệu quả chung của toàn Công ty trong năm 2024.
 - Năm 2024 ở giai đoạn tháng 11,12 cũng thả nuôi vụ nghịch nhằm đón đầu thu hoạch tôm ở quý 1 năm 2025 do giai đoạn này rất ít tôm. Tuy kết quả thu hoạch không được tốt như nuôi vụ 1 năm 2024 do dịch bệnh từ tôm giống nhưng vẫn đạt hiệu quả và góp phần không nhỏ vào kết quả hoạt động SXKD của Công ty.
 - Năm 2025, hoạt động nuôi tôm vụ chính đạt kết quả khá tốt, dù chưa đạt kỳ vọng. Sản lượng nuôi duy trì mức tăng trưởng nhẹ so với năm 2024, đạt trên 12.000 tấn. Tuy nhiên, ngành nuôi vẫn trong giai đoạn “chùng”, tỉ lệ nuôi thành công thấp, chi phí sản xuất cao, làm giảm sức cạnh tranh so với các nước khác. Bên cạnh đó, tôm bị vi khuẩn EHP lây nhiễm khá mạnh, khiến cỡ tôm thu hoạch nhỏ hơn dự kiến.
- **Trong quá trình hình thành và phát triển, FMC đã vinh hạnh nhận được các danh hiệu cao quý như:**

STT	Giải thưởng
1	Huân chương Lao động hạng II năm 1998;
2	Danh hiệu Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới năm 2000;
3	Cúp Phù Đổng năm 2005 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khen thưởng;

STT	Giải thưởng
4	Bộ Lao động và Thương binh xã hội phối hợp cùng Bộ Thương mại, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam khen thưởng 01 trong 100 doanh nghiệp sử dụng lao động tiêu biểu trong cả nước.
5	Huân chương Lao động hạng I năm 2005;
6	Cúp vàng vì sự nghiệp phát triển cộng đồng năm 2006;
7	Công ty được Chính phủ 9 lần tặng thưởng Cờ Thi đua (liên tục 8 năm liền từ năm 1997 đến năm 2004 và năm 2006).
8	UBND tỉnh Sóc Trăng trao tặng cờ thi đua vì thành tích hoạt động tốt và tích cực tham gia công tác phúc lợi xã hội địa phương;
9	Kỷ niệm chương vì thành tích xuất khẩu ở Hiệp hội VASEP;
10	Nhiều năm liền Công ty đạt thành tích “Doanh nghiệp vì người lao động”;
11	Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động trong giai đoạn 2016 – 2020;
12	UBND tỉnh Sóc Trăng tặng bằng khen “Đạt thành tích trong phong trào thi đua Doanh nghiệp Việt Nam hội nhập và phát triển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng đến nay 2020”;
13	UBND tỉnh Sóc Trăng tặng bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thời gian phòng, chống dịch Covid-19 tại tỉnh Sóc Trăng năm 2020;
14	UBND tỉnh Sóc Trăng tặng Cờ thi đua đạt thành tích xuất sắc trong đợt thi đua đặc biệt năm 2020;
15	Thủ tướng Chính phủ tặng bằng khen vì đã tích cực hưởng ứng cuộc vận động “Xây dựng văn hóa doanh nghiệp Việt Nam” do Thủ tướng Chính phủ phát động trong giai đoạn 2016 – 2020.
16	Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng tặng bằng khen Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2016-2020.
17	Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tặng bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong công tác phối hợp chỉ đạo và tổ chức thực hiện chính sách BHXH, BHYT từ năm 2020 đến năm 2021”
18	Bộ Công Thương công nhận sản phẩm tôm của FMC đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam năm 2022;
19	Forbes Việt Nam xếp “25 thương hiệu dẫn đầu trong ngành hàng tiêu dùng đồ uống và thực phẩm năm 2022”.

STT	Giải thưởng
20	2 năm liên tiếp được Tạp chí Nhịp cầu đầu tư xếp “Top 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam năm 2022 và năm 2023”
21	4 năm liên tiếp được Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam thuộc VCCI xếp “Top 100 doanh nghiệp bền vững”; đặc biệt năm 2022 và 2023 lọt vào “Top 10 doanh nghiệp bền vững trong lĩnh vực sản xuất”.
22	Năm 2024, FMC đã vượt qua hàng trăm doanh nghiệp để ghi danh vào Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững trong năm thứ 5 liên tiếp. Đặc biệt, công ty còn xuất sắc được vinh danh trong Top 5 "Doanh nghiệp tiên phong xây dựng giá trị Đa dạng, Công bằng và Bao trùm".
23	Năm 2025, FMC vừa tiếp tục được vinh danh trong Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững Việt Nam năm 2025 do VCCI chủ trì tổ chức. Đây là năm thứ 6 liên tiếp FMC đạt danh hiệu uy tín này, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển bền vững của doanh nghiệp. Việc 6 năm liên tiếp góp mặt trong Top 100 Doanh nghiệp Phát triển Bền vững tiếp tục khẳng định định hướng phát triển xanh - bền vững - dài hạn của FMC trong tiến trình hội nhập kinh tế.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

a. Ngành nghề kinh doanh:

Hiện tại, doanh thu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đến từ các lĩnh vực kinh doanh chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản. Ngoài ra, Công ty còn kinh doanh các ngành nghề kinh doanh được đăng ký gồm:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020 (Chính)
2	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
3	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
4	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
5	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa Chi tiết: Sản xuất bao bì bằng giấy, bìa	1702
6	In ấn Chi tiết: dịch vụ in ấn, dịch vụ xuất bản bao bì	1811
7	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic	2220
8	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: xuất khẩu, bán buôn mặt hàng thủy sản, nông sản (ngoại trừ gạo, đường mía và đường củ cải, thuốc lá)	4632
9	Bán buôn đồ uống	4633
10	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659

	Chi tiết: Nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến	
11	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
12	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn	5510
13	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
14	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (ngoại trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810
15	Cho thuê xe có động cơ	7710

b. Các sản phẩm tiêu biểu:

Danh sách sản phẩm của FMC được chứng nhận đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, thơm ngon, bổ dưỡng. Đồng thời, Công ty luôn đảm bảo các khách hàng sử dụng dễ dàng trong truy xuất nguồn gốc nhằm đáp ứng các mục tiêu phát triển bền vững.

- Các sản phẩm từ tôm:

- Tôm ép duỗi: Tôm Vannamei ép duỗi; Tôm sú ép duỗi
- Tôm tươi: Tôm Vannamei PTO tươi; Tôm sú PDTO tươi; Tôm sú vỏ tươi; Tôm sú nguyên con tươi; Tôm sú nguyên con lột gừa tươi; Tôm sú PD xẻ lươn tươi; Tôm Vannamei vỏ tươi; Tôm Vannamei PDTO tươi
- Tôm hấp chín: Tôm Vannamei hấp vỏ; Tôm sú hấp vỏ; Tôm Vannamei PTO hấp; Tôm hấp xếp vòng bán nguyệt; Tôm hấp xếp vòng bán nguyệt; Tôm vannamei PD hấp
- Tôm tẩm bột (tươi): Tôm Vannamei PDTO tẩm bột; Tôm Vannamei PD tẩm bột; Tôm sú PDTO tẩm bột; Tôm Vannamei PTO tẩm bột dứa; Tôm Vannamei PTO PTO bướm tẩm bột; Tôm sú nguyên con tẩm bột; Tôm sú PTO bướm tẩm bột; Tôm sú nguyên con bướm tẩm bột
- Tôm tẩm bột chiên: Tôm Vannamei Fritter tẩm bột chiên; Tôm Vannamei PTO bướm tẩm bột chiên

- Các sản phẩm từ nông sản

- Rau củ đông lạnh
- Nông thủy sản phối chế chiên

c. Địa bàn kinh doanh:

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của Công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn thành phố Cần Thơ bao gồm cả các chi nhánh trực thuộc như sau:

- Xí nghiệp nuôi Thủy sản Xuân Phú. Địa chỉ: Thửa đất số 1, Tờ bản đồ số 13 tại ấp Tân Nam, Phường Vĩnh Phước, Thành phố Cần Thơ.

Xí nghiệp này thực hiện chức năng nuôi tôm tại các khu nuôi là VINAFARM, TANAFARM, VITAFARM, K.A FARM và HONO FARM.

- 06 nhà máy:

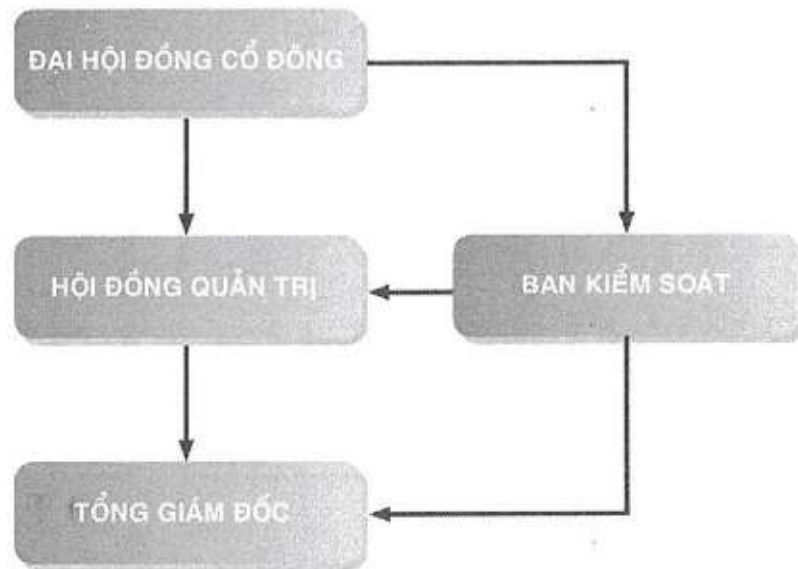
NHÀ MÁY	ĐỊA CHỈ	CÔNG SUẤT THIẾT KẾ (tấn thành phẩm/năm)	SẢN PHẨM CHỦ LỰC
1. Nam An	750 Đường Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ.	20.000	Tôm block, tôm duỗi, tôm IQF, tôm tẩm bột và tôm chiên
2. Tin An	Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ.	3.000	Tôm tẩm bột, tempura và tôm chiên
3. Sao Ta	Lô K, Khu công nghiệp An Nghiệp, Phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ.	15.000	Tôm duỗi, tôm IQF (tươi, luộc)
4. An San	Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ.	3.000	Chế biến rau củ quả các loại như hấp, tẩm bột chiên, kakiage
5. Tam An	Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ.	5.000	Tôm tẩm bột, chiên, hàng phối chế
6. Kim An	Đường N1, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ.	6.000	Tôm IQF, tôm đông block

Doanh thu từ mảng xuất khẩu là nguồn thu chính của FIMEX VN. Trong đó, thị trường chủ yếu của Công ty là Nhật Bản, ngoài ra còn các thị trường khác như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Vương quốc Anh (Công ty con KAF),...

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

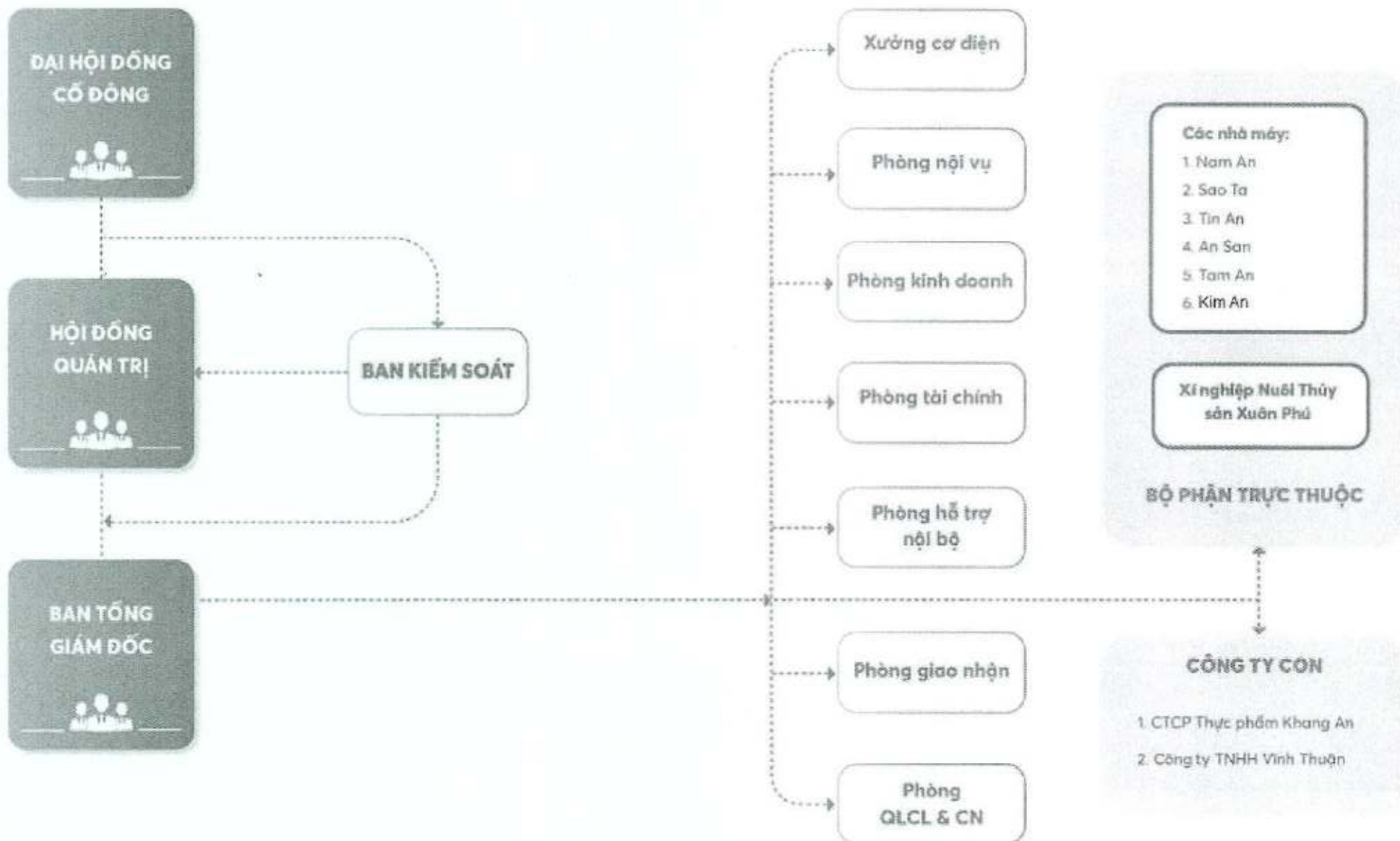
a. Mô hình quản trị:

Mô hình quản trị của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta được thiết kế theo mô hình tổ chức và quản lý tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp 2020 bao gồm: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát. Sơ đồ cụ thể được trình bày dưới đây:



b. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Việc quản lý của Công ty được xây dựng theo nguyên tắc từ trên xuống dưới. Phân công quyền hạn/trách nhiệm cụ thể cho từng bộ phận/cá nhân một cách công khai, minh bạch, đúng người đúng việc. Các bộ phận/cá nhân cũng có thể hỗ trợ nhau trong quá trình thực thi, triển khai công việc để đạt hiệu quả nhanh và cao nhất.



Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, cụ thể bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc.

- **Đại hội đồng cổ đông** là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.
- **Hội đồng quản trị** gồm có 05 thành viên trong đó 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- **Ban Kiểm soát** là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Ban kiểm soát bao gồm 03 thành viên: 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.
- **Ban Tổng giám đốc** gồm 05 thành viên (01 Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc), 01 Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện pháp nhân của Công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành Công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty là người giúp Tổng Giám đốc điều hành doanh nghiệp theo sự phân công, ủy quyền từ Tổng Giám đốc.
- **Các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc** có chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Xưởng chế biến, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Nhà máy Thủy sản Tin An, Nhà máy Thủy sản Nam An, Xí nghiệp Nuôi thủy sản Xuân Phú.

c. Các công ty con, công ty liên kết:

- **Công ty con:**

- Công ty cổ phần Thực phẩm Khang An

- + Địa chỉ: Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ
- + Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Nuôi trồng, chế biến thủy sản; Gieo trồng, chế biến nông sản.
- + Vốn điều lệ: 350.000.000.000 đồng
- + Tỷ lệ Công ty sở hữu: 51,54% trên vốn điều lệ
- + Tỷ lệ Công ty có quyền biểu quyết: 51,54% trên vốn điều lệ

- Công ty TNHH Vĩnh Thuận

- + Địa chỉ: Khóm Biển Trên, Phường Vĩnh Phước, Thành phố Cần Thơ.
- + Ngành nghề kinh doanh chủ yếu: Nuôi trồng thủy sản nội địa
- + Vốn điều lệ: 111.000.000.000 đồng
- + Tỷ lệ Công ty sở hữu: 99,099% trên vốn điều lệ
- + Tỷ lệ Công ty có quyền biểu quyết: 100% trên vốn điều lệ

- **Công ty liên kết:** Không có

4. Định hướng phát triển:

a. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi:

- *Sứ mạng*

Bằng chính sự trân trọng và đầy trách nhiệm của mình đối với cuộc sống con người, môi trường và sự nỗ lực không ngừng để đạt được chứng nhận bởi các hệ thống quản lý chất lượng chuẩn mực, Chúng tôi cam kết tạo ra nhiều giá trị tốt đẹp hơn với các bên tham gia và có liên quan tới chuỗi giá trị sản phẩm, chú trọng an toàn thực phẩm, hướng đến phát triển bền vững, phát huy những phẩm chất tốt đẹp của lao động Việt gửi gắm qua từng sản phẩm nông thủy sản chế biến giàu dinh dưỡng, mẫu mã phong phú, đẹp mắt. Qua đó cũng góp phần nâng tầm thương thức của người tiêu dùng, tiếp nối và làm rạng danh sứ mệnh cao cả của Tập đoàn PAN - **“Sinh ra để nuôi dưỡng thế giới”**.

- *Tầm nhìn*

Quảng bá những phẩm chất tốt đẹp cần mẫn, sáng tạo, có trách nhiệm của người Việt; nét văn hóa tinh tế, khoa học của ẩm thực Việt; để thực phẩm Việt không chỉ là nguồn dinh dưỡng, nguồn năng lượng mà còn là nguồn cảm hứng cho người tiêu dùng trên thế giới. Góp phần nâng cao vị thế và uy tín nông thủy sản Việt trên trường quốc tế.

- *Giá trị cốt lõi*

- *Chất lượng:*

Sản phẩm: An toàn, thơm ngon bổ dưỡng.

Công việc: Ý thức trách nhiệm cao.

- *Bền vững:*

Coi trọng minh bạch, tầm nhìn dài hạn.

Ý thức kinh tế tuần hoàn, bảo vệ môi trường.

- *Đạo đức:*

Thực thi nghiêm pháp luật.

Coi chữ Tín là hàng đầu trong kinh doanh.

- *Chia sẻ:*

Quan tâm chăm lo khách hàng, người lao động.

Chia sẻ đồng nghiệp, cộng đồng.

b. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Trong suốt chặng đường hình thành và phát triển, FMC luôn gắn liền tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, ba yếu tố đóng vai trò nền tảng cho thành công lâu dài của FMC. Trong đó, mục tiêu kinh tế được xem là mục tiêu quan trọng tiên quyết hàng đầu vì việc thực hiện mục tiêu này là điều kiện cần và đủ để thực hiện tiếp nối các mục tiêu xã hội, môi trường. Theo đó, Công ty xác định mục tiêu chiến lược là tập trung vào chuỗi giá trị thực phẩm ngon, bổ dưỡng, thông qua tác động kích thích đến các khâu có liên quan như nuôi, gico trồng, khai thác, bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ, thương mại...Song song với đó, Công ty kết hợp giữa phát triển chiều sâu và chiều rộng, mở rộng chủng loại sản phẩm; Duy trì và phát triển chất lượng sản phẩm xanh, sạch; Đáp ứng các tiêu chí phúc lợi động vật trong nuôi tôm. Qua đó, FMC giữ vững uy tín thương hiệu, hình ảnh doanh nghiệp thủy sản hàng đầu trong

ngành, đồng thời giải quyết nhu cầu việc làm cho người lao động và đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, xã hội.

Mục tiêu cụ thể:

- Địa chỉ tin cậy, yêu chuộng của người tiêu dùng;
- Tăng trưởng doanh thu khoảng 10%/năm;
- Giữ vững và phát triển quy mô tài sản trên nền tảng đạt tỷ suất lợi nhuận khoảng 4% doanh thu;
- Top 2 những doanh nghiệp tôm quy mô lớn nhất nước;
- Top 3 những nhà xuất khẩu tôm Việt lớn nhất.

c. Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Dựa trên mục tiêu chiến lược tập trung vào chuỗi giá trị, FMC xác định chất lượng sản phẩm chính là tiêu chí tiên quyết xuyên suốt trong quá trình hoạch định và thực hiện các chiến lược phát triển bền vững của Công ty. Đặc biệt, yếu tố vệ sinh an toàn thực phẩm được ưu tiên hàng đầu, bắt đầu từ cơ sở con giống, nguyên liệu đầu vào đảm bảo các tiêu chí của Công ty, đến quá trình xử lý, đóng gói và bảo quản sản phẩm tại các xí nghiệp, nhà máy, kho lạnh.

Ngoài ra, hình ảnh thương hiệu uy tín là yếu tố quan trọng trong hoạt động thương mại quốc tế, FMC luôn lấy tiêu chí **“AN TOÀN – THƠM NGON, BỔ DƯỠNG - TRUY XUẤT THUẬN LỢI - ĐÁP ỨNG CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG”** làm cam kết cao nhất của Công ty đối với khách hàng về sản phẩm của Công ty và mọi nhân viên Công ty đều phải nỗ lực thực hiện. Đồng thời, Công ty cũng chủ động tập trung xây dựng thương hiệu cho hai sản phẩm tôm và nông sản nhằm tăng sức cạnh tranh tại các thị trường xuất khẩu thông qua hệ thống phân phối cấp cao; Chú trọng khách hàng có mối quan hệ thương mại tốt và lâu dài trên nền tảng hợp tác xây dựng chiến lược kinh doanh mang lại lợi ích hài hòa cho đôi bên.

Bên cạnh đó, tùy theo từng giai đoạn, Công ty nghiên cứu các sản phẩm xanh, sạch, mới và thiết kế cơ sở vật chất sản xuất trên cơ sở nhu cầu thị trường và các thế mạnh của Công ty, địa phương. Song song phát triển sản phẩm, các giải pháp về cơ giới hóa, tự động hóa, chuyển đổi số trong quá trình chế biến lẫn nuôi trồng luôn được FMC theo đuổi và thực hiện nhằm mục đích tăng năng suất, tiết kiệm chi phí, đem lại lợi ích lớn hơn cho khách hàng và cổ đông.

Mặt khác, để đảm bảo cho mục tiêu phát triển bền vững, Sao Ta chú trọng vào xây dựng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cho nhân viên trong Công ty, thu hút nhân tài giúp; Duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động, chương trình chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động; Tuyên truyền các hoạt động nâng cao hiểu biết người lao động về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thực thi theo khả năng; Xây dựng, củng cố các giá trị cốt lõi văn hóa doanh nghiệp, giữ vững đạo đức kinh doanh. Đồng thời, các hoạt động của Công ty luôn gắn liền với bảo vệ môi trường, tiết kiệm nguyên vật liệu, sử dụng máy móc, thiết bị công nghệ sạch.

Theo đó, Sao Ta xác định các mục tiêu cụ thể cho chiến lược phát triển tới năm 2030 như sau:

- Giai đoạn 2021-2025: nâng tầm vai trò nuôi tôm, coi đây là một mảng kinh doanh chính và sắp xếp lại tổ chức; Chú trọng tăng thêm khách hàng để doanh số đạt chỉ tiêu 300 triệu USD năm 2025.
- Giai đoạn 2026-2030: Không mở rộng bằng mọi giá, chỉ đầu tư khi gia tăng năng lực cạnh tranh dài hạn và phù hợp chiến lược tích hợp chuỗi giá trị; ưu tiên mǎng nghiên cứu sản xuất tôm giống và nuôi

tôm. Xây dựng Sao Ta thành doanh nghiệp tôm có năng lực tích hợp cao gồm con giống - vùng nuôi - chế biến - khách hàng - phát triển bền vững. Khẳng định thương hiệu Sao Ta gắn với uy tín, chuẩn mực và sự tử tế trong kinh doanh quốc tế, đồng thời từng bước xây dựng Sao Ta như một đối tác chiến lược của các nhà phân phối lớn và giữ vững vị thế doanh nghiệp top đầu ngành tôm Việt Nam, trong phân khúc giá trị gia tăng và thị trường cao cấp.

d. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

Đối với FMC, bảo vệ môi trường và phát triển xã hội là hai trong ba mục tiêu phát triển bền vững tới năm 2030 của Công ty, cụ thể:

e. Đối với bảo vệ môi trường:

Hoạt động sản xuất tôm nguyên liệu của FMC gắn liền với môi trường trong mối quan hệ phụ thuộc và tác động qua lại lẫn nhau. Do đó, Công ty luôn có những chính sách, dự án bảo vệ môi trường như: Đầu tư vùng nuôi đạt tiêu chuẩn ASC, BAP; Mật độ thả tôm vừa phải theo khuyến cáo để góp phần duy trì môi trường sinh trưởng tốt hơn cho tôm nuôi; Kiểm soát nước thải vùng nuôi không gây ô nhiễm,... Ngoài ra, để cân bằng phát thải cho khu nuôi tôm, Công ty đã kiến nghị với chính quyền địa phương để được giao chăm sóc và phát triển rừng phòng hộ, mục tiêu tới 2050 có ít nhất 200 hecta. Bên cạnh đó, FMC cũng tích cực tìm kiếm và thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng điện nước hiệu quả tại các nhà máy sản xuất; Định kỳ Đánh giá việc xả thải để có biện pháp xử lý kịp thời và giảm thiểu gây ô nhiễm môi trường; Tuyên truyền các hoạt động nâng cao hiểu biết người lao động về kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn và thực thi theo khả năng.

f. Đối với phát triển xã hội:

Là một trong những doanh nghiệp thủy sản hàng đầu cả nước, Sao Ta luôn quan tâm và chia sẻ lợi ích đến cộng đồng địa phương trong quá trình hoạt động, trong đó người lao động của Công ty là đối tượng được ưu tiên hàng đầu. Công ty luôn đặt mục tiêu duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động, chương trình chăm lo sức khỏe, đời sống cho người lao động nhằm đảm bảo cuộc sống của người lao động và gia đình trên mức sống trung bình so với những đơn vị cùng ngành, địa bàn, cùng vị thế xã hội. Mặt khác, thông qua các hoạt động thiện nguyện, chương trình, hoạt động an sinh xã hội, FMC thể hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội. FMC thường xuyên tham gia các hoạt động hướng đến xã hội như hỗ trợ trồng rừng ven biển; Hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam; Hỗ trợ cho trẻ em khuyết tật; Xây dựng nhà tình thương, trường học; Tài trợ xe đạp cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn hiếu học; Hỗ trợ kinh phí phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Hỗ trợ cho đồng bào miền Trung.

5. Các rủi ro:

a. Rủi ro kinh tế:

Tôm và nông sản là hai sản phẩm xuất khẩu chính của FMC chiếm trên 95% doanh số xuất khẩu của công ty. Do đó, tình hình kinh tế tại các thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Úc và Hàn Quốc có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh. Khi kinh tế tăng trưởng tốt, thu nhập người tiêu dùng cải thiện sẽ thúc đẩy nhu cầu, đặc biệt đối với các sản phẩm giá trị gia tăng. Với lợi thế ở các sản phẩm chế biến sâu như tôm hấp chín, tôm tẩm bột, tôm chiên..., Công ty có điều kiện gia tăng giá trị xuất khẩu. Ngược lại, khi kinh tế suy giảm, sức mua yếu đi và xu hướng chuyển sang các sản phẩm giá rẻ hơn sẽ ảnh

hường đến sản lượng tiêu thụ và biên lợi nhuận. Do đó, hoạt động của FMC phụ thuộc lớn vào tình hình kinh tế quốc tế.

Trong năm 2025, hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục chịu tác động từ nhiều yếu tố kinh tế và thị trường. Các biến động địa chính trị trên thế giới, cùng với việc gia tăng các hàng rào kỹ thuật và biện pháp phòng vệ thương mại tại các thị trường nhập khẩu, đã ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận thị trường và chi phí xuất khẩu. Đồng thời, mức độ cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt, không chỉ từ các đối thủ trong nước mà còn từ các quốc gia xuất khẩu tôm lớn.

Giải pháp khắc phục:

Để hạn chế tác động tiêu cực từ tình hình kinh tế quốc tế khó khăn, FMC liên tục theo dõi, cập nhật nhu cầu thị trường, đồng thời linh hoạt điều chỉnh chiến thuật kinh doanh. Mặt khác, Công ty thường xuyên tham khảo ý kiến của các chuyên gia, khách hàng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chí phát triển xanh, phát triển bền vững, nắm bắt xu thế tất yếu “sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, sống xanh” của thế giới. Nhờ vậy, FMC có thể giữ vững vị thế, thương hiệu hàng đầu và duy trì lợi nhuận trong bối cảnh kinh tế bất ổn.

b. Rủi ro pháp luật:

Là công ty niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, FMC chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Lao động và các quy định pháp luật liên quan. Trong bối cảnh cơ quan quản lý tăng cường giám sát nhằm hướng tới mục tiêu nâng hạng thị trường, yêu cầu về minh bạch và công bố thông tin ngày càng được siết chặt. Năm 2025, nhiều quyết định xử phạt vi phạm hành chính trên thị trường chứng khoán đã được công bố rộng rãi, chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ công bố thông tin, bên cạnh một số vi phạm về giao dịch và thao túng thị trường. Xu hướng này đặt ra yêu cầu cao hơn đối với Công ty trong việc tuân thủ pháp luật và nâng cao chất lượng quản trị.

Bên cạnh đó, do hoạt động xuất khẩu tập trung vào các thị trường như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Úc và Hàn Quốc, Công ty còn chịu tác động từ hệ thống pháp luật và chính sách thương mại của các quốc gia này. Trong năm 2025, tôm xuất khẩu vào Hoa Kỳ tiếp tục chịu các biện pháp phòng vệ thương mại, bao gồm thuế chống bán phá giá (AD), thuế chống trợ cấp (CVD) và các loại thuế đối ứng, trong đó thuế chống bán phá giá là yếu tố tác động lớn nhất đến giá bán và hiệu quả kinh doanh. Các chính sách thương mại có xu hướng thay đổi, làm gia tăng tính bất định và rủi ro đối với hoạt động xuất khẩu. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động theo dõi, ứng phó và điều chỉnh chiến lược kinh doanh phù hợp.

Giải pháp khắc phục:

Tuân thủ luật pháp là một trong những giá trị đạo đức của Công ty, được cụ thể hóa trong các quy định và bản sắc văn hóa FMC. Để hạn chế rủi ro pháp luật có thể xảy ra, FMC thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và thực tiễn hoạt động; kiểm soát chặt chẽ việc ký kết hợp đồng, đảm bảo các thỏa thuận được xem xét đầy đủ trước khi thực hiện; kịp thời cập nhật và phổ biến các thay đổi pháp lý đến các bộ phận liên quan.

Đối với các vấn đề thương mại quốc tế, Công ty chủ động phối hợp với Hiệp hội và các bên liên quan để theo dõi, tham gia và ứng phó với các vụ việc phòng vệ thương mại, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp, người nuôi và toàn chuỗi giá trị ngành tôm Việt Nam.

c. Rủi ro cạnh tranh:

Rủi ro cạnh tranh của FMC thể hiện ở cả 2 mặt: cạnh tranh giữa các doanh nghiệp chế biến tôm trong nước và cạnh tranh với các doanh nghiệp xuất khẩu tôm trên thế giới. Trên thị trường quốc tế, đặc biệt là Hoa Kỳ và EU, sản phẩm tôm đông lạnh của Việt Nam kém cạnh tranh so với các nước Ecuador và Ấn Độ do các nước này sở hữu lợi thế cạnh tranh giá rẻ, cùng tỷ lệ nuôi thành công cao, trong khi tôm Việt Nam giá thành sản xuất cao do vẫn chưa tự chủ được con giống và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, cộng với tỷ lệ nuôi thành công còn thấp. Thế mạnh của doanh nghiệp xuất khẩu tôm Việt nằm ở phân khúc chế biến sâu, giá thành cao, do đó, khi lạm phát ăn mòn vào thu nhập của người dân các nước này, xu hướng chuyển sang tiêu dùng tôm giá rẻ đã khiến thị phần tôm Việt bị giảm sút đáng kể. Mặt khác, triển vọng kinh doanh tại các thị trường ở xa không mấy khả quan, cộng với chi phí vận chuyển biến động mạnh quanh yếu tố xung đột chính trị, một số doanh nghiệp Việt chuyển hướng về các thị trường gần như Nhật Bản, Hàn Quốc, Úc,... trong đó, Nhật Bản là thị trường chủ lực của FMC với thị phần xuất khẩu ở vị trí thứ hai. Do đó, FMC chịu sự cạnh tranh không nhỏ đối với phân khúc tôm chế biến và tôm đông lạnh.

Giải pháp khắc phục:

Nhận thức được thế mạnh riêng cũng như rủi ro cạnh tranh mà Công ty phải đối mặt, FMC đề ra các giải pháp như: Cải tiến những sản phẩm hiện tại và phát triển sản phẩm mới, mẫu mã đẹp, tăng tỷ trọng chế biến hàng giá trị gia tăng; Tập trung vào phân khúc cao cấp để tăng khả năng cạnh tranh đối với các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU, Mỹ,...; Theo đuổi các tiêu chí phát triển xanh, phát triển bền vững để tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm FMC tại các thị trường phát triển.

Ngoài những rủi ro về thị trường xuất khẩu còn có rủi ro cạnh tranh về nhân công lao động và yếu tố mua nguyên liệu đầu vào như nêu bên dưới đây.

d. Rủi ro yếu tố đầu vào:

Nguyên liệu tôm đầu vào chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Tùy theo diễn biến thị trường nguyên liệu trong nước hàng năm do dịch bệnh, do mật độ thả nuôi, môi trường nuôi,... là yếu tố tác động đến nguồn cung và cạnh tranh giá mua giữa các doanh nghiệp cùng ngành nghề trong nước.

Khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu là một vấn đề nhức nhối mà nhiều doanh nghiệp thủy sản phải đối mặt, đặc biệt là trong lĩnh vực nuôi tôm. Nhờ chính sách liên kết với Công ty Cổ phần chăn nuôi C.P. Việt Nam, FMC đảm bảo sản lượng và chất lượng tôm giống và thức ăn chăn nuôi tại các vùng nuôi của Công ty. Tuy vậy, khoảng 70% tôm nguyên liệu đầu vào cho quá trình chế biến vẫn phải thu mua phụ thuộc vào thị trường. Do hạn chế về kỹ thuật nuôi trồng cùng với con giống, thức ăn chưa tự chủ, môi trường nuôi chưa được hiệu quả, tỷ lệ nuôi thành công của các hộ nuôi trồng còn rất thấp, trung bình đạt 35%, dẫn đến không đảm bảo về sản lượng và chất lượng đầu vào cho FMC. Đặc biệt, tình hình thời tiết kém thuận lợi khiến tôm chết nhiều, chi phí thức ăn tăng sẽ làm biến động mạnh giá tôm nguyên liệu trên thị trường, ảnh hưởng đến giá vốn của Công ty.

Giải pháp khắc phục:

Nhằm giải quyết vấn đề này, Công ty đã triển khai một loạt giải pháp đồng bộ. Đầu tiên, Công ty xây dựng kế hoạch thu mua chi tiết, liên kết và phối hợp chặt chẽ với các hộ nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý. Song song đó, Công ty chủ động đầu tư phát triển vùng nuôi tôm riêng nhằm kiểm soát tốt hơn chất lượng con giống, thức ăn và môi trường nuôi, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất và ổn định biên lợi nhuận. Với những nỗ lực này, Công ty đang từng bước giảm bớt sự phụ thuộc vào nguồn cung

cấp nguyên liệu bên ngoài, đồng thời nâng cao khả năng tự chủ và chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong tương lai.

e. Rủi ro lãi suất, tỷ giá:

Hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc phần lớn vào mảng xuất khẩu, đóng góp hơn 95% tổng doanh thu. Doanh thu xuất khẩu được thực hiện bằng đồng USD, dẫn đến việc biến động tỷ giá USD/VND ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn thu nhập chính của Công ty. Ngoài ra, một phần khoản vay ngắn hạn của Công ty được tài trợ bằng USD, khiến cho rủi ro tỷ giá càng trở nên quan trọng và tác động mạnh mẽ đến lợi nhuận. Nhằm hạn chế rủi ro tiềm ẩn này, Công ty chủ động duy trì mối quan hệ hợp tác chặt chẽ với các ngân hàng để thường xuyên cập nhật và dự báo biến động tỷ giá ngoại tệ, đồng thời thực hiện các chính sách bán hàng khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, nhằm hạn chế tác động tỷ giá ở các khoản phải thu khách hàng. Nhờ đó, Công ty có thể đưa ra các chiến lược kinh doanh phù hợp, giảm thiểu tác động tiêu cực từ biến động tỷ giá và đảm bảo sự ổn định trong hoạt động kinh doanh

f. Rủi ro thị trường tiêu thụ:

Các thị trường tiêu thụ chính của Công ty gồm Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU - là những thị trường có yêu cầu cao về chất lượng, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc. Điều này đòi hỏi Công ty phải liên tục đầu tư, hoàn thiện công nghệ, quy trình sản xuất để đáp ứng tiêu chuẩn. Tuy nhiên, hoạt động xuất khẩu phụ thuộc lớn vào chính sách của các nước nhập khẩu; bất kỳ thay đổi nào về quy định, tiêu chuẩn hoặc thuế quan đều có thể làm gia tăng chi phí và ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh.

Tại thị trường Hoa Kỳ, thuế chống bán phá giá (AD) tiếp tục được rà soát hàng năm và là yếu tố tác động trực tiếp đến giá bán. Ngày 17/2/2026, Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) chính thức công bố kết quả cuối cùng của kỳ rà soát hành chính lần thứ 19 (POR19) đối với lệnh áp thuế chống bán phá giá tôm nước ấm đông lạnh Việt Nam trong giai đoạn 01/02/2023 - 31/01/2024. Bên cạnh đó, việc phát sinh thêm thuế chống trợ cấp (CVD) và xu hướng gia tăng các biện pháp thuế đối ứng trong năm 2025 tiếp tục làm gia tăng chi phí và rủi ro trong hoạt động xuất khẩu.

Giải pháp khắc phục:

Công ty tập trung kiểm soát chất lượng sản phẩm, đảm bảo nguyên liệu sạch, truy xuất nguồn gốc rõ ràng; thực hiện tốt trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh nhằm củng cố thương hiệu. Đồng thời, phát huy lợi thế chế biến sâu, định hướng vào các phân khúc thị trường cao cấp để nâng cao giá trị gia tăng và giảm áp lực cạnh tranh về giá.

g. Rủi ro nguồn nhân lực:

Hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản đòi hỏi nguồn lao động lớn, đặc biệt là lao động có tay nghề. Tuy nhiên, nguồn nhân lực trong ngành có tính biến động cao do điều kiện làm việc đặc thù và mức thu nhập chưa thực sự cạnh tranh, ảnh hưởng đến tính ổn định và hiệu quả sản xuất. Đối với đội ngũ quản lý và nhân sự cấp cao, rủi ro biến động ở mức thấp hơn.

Giải pháp khắc phục:

Quản trị rủi ro nhân lực là một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách đối với FMC. Công ty đề ra các biện pháp như: Nâng cao chất lượng môi trường làm việc đáp ứng tiêu chí sạch sẽ, an toàn, thân thiện, tôn trọng và lắng nghe; Tổ chức khám sức khỏe và hoạt động thể dục thể thao định kỳ; Tổ chức các buổi đào tạo chuyên môn nghiệp vụ; tạo cơ hội thăng tiến, các hoạt động thi đua, khuyến khích người lao động gắn

bỏ lâu dài với doanh nghiệp; Xây dựng các chính sách tuyển dụng hấp dẫn nhằm thu hút những ứng viên tiềm năng, phù hợp... Bằng cách thực hiện các giải pháp thiết thực và hiệu quả để nâng cao chất lượng môi trường làm việc, phát triển nguồn nhân lực và xây dựng văn hóa doanh nghiệp, Công ty đã hạn chế tối đa rủi ro nguồn nhân lực, duy trì và phát triển đội ngũ nhân viên chất lượng cao, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững.

h. Rủi ro biến động giá cổ phiếu:

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh giúp đem lại nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời khẳng định uy tín, tăng thanh khoản, công khai minh bạch hơn, góp phần quảng bá thương hiệu của FIMEX VN đến với nhà đầu tư sâu và rộng hơn nữa. Tuy nhiên, giá chứng khoán được quyết định bởi nhiều yếu tố không chỉ do việc hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, mà còn bởi các yếu tố như tình hình kinh tế - xã hội - chính trị trong và ngoài nước, cung - cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư, ... Nếu có sự thay đổi của giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào Công ty.

i. Rủi ro khác:

Rủi ro về môi trường, như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, chiến tranh, dịch họa,... có thể xảy ra bất cứ lúc nào, dù xác suất không lớn. Nếu phát sinh, những rủi ro này sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, gây tổn thất nghiêm trọng. Do đó, Công ty luôn có quy trình, kế hoạch ứng phó để hạn chế thiệt hại ở mức thấp nhất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% 2025/ 2024
1	Tổng giá trị tài sản	4.835.154	3.774.889	128,09
2	Doanh thu thuần	8.185.251	6.912.623	118,41
3	Giá vốn hàng bán	7.212.047	6.160.943	117,06
4	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	409.966	422.117	97,12
5	Lợi nhuận khác	1.415	(306)	
6	Lợi nhuận trước thuế	411.382	421.810	97,53
7	Lợi nhuận sau thuế	386.358	422.616	91,42
8	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	348.661	305.701	114,05
9	Tỷ lệ cổ tức	20%	20%	100,00

- Năm 2025 là năm nhiều thách thức đối với ngành tôm Việt Nam, đặc biệt từ thị trường Hoa Kỳ với các chính sách thuế và rào cản thương mại biến động, làm gia tăng rủi ro và ảnh hưởng đến định hướng thị trường của doanh nghiệp. Đồng thời, hoạt động nuôi tôm trong nước gặp khó khăn, nguồn cung hạn chế khiến giá nguyên liệu duy trì ở mức cao, tạo áp lực lên chi phí sản xuất và hiệu quả kinh doanh.
- Trong bối cảnh đó, Công ty vẫn duy trì được đà tăng trưởng tích cực với sản lượng chế biến tăng 14,4%, sản lượng tiêu thụ tăng 10,7% và doanh số toàn Công ty tăng 16% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế công ty mẹ đạt 373 tỷ đồng, vượt kế hoạch đề ra (260 tỷ đồng), đóng vai trò là động lực chính; lợi nhuận hợp nhất đạt 411 tỷ đồng.
- Hoạt động nuôi tôm đạt sản lượng trên 12.000 tấn, tăng nhẹ so với năm trước, tuy nhiên kích cỡ thu hoạch nhỏ hơn do ảnh hưởng của vi khuẩn EHP. Nhìn chung, kết quả đạt được thể hiện nỗ lực của Công ty trong việc duy trì ổn định sản xuất, thích ứng linh hoạt với biến động thị trường và tiếp tục khẳng định năng lực cạnh tranh trong bối cảnh nhiều khó khăn.

b. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	TH 2024	KH 2025	TH 2025	%TH2025/ KH2025	%TH2025/T H2024
1	Tổng doanh thu bán hàng	6.920.257	6.540.000	8.191.235	125,25	118,37
2	Lợi nhuận trước thuế	421.810	420.000	411.382	97,95	97,53
3	Lợi nhuận trước thuế của Công ty mẹ	305.118		371.243	121,67	121,67
4	Tỷ lệ chi trả cổ tức	20%	20%	20%	100	100

Công ty không hoàn thành kế hoạch tổng LNTT khi hợp nhất trong năm 2025 do phải trích dự phòng thuế chống phá giá bán tôm đông lạnh vào Thị trường Mỹ giai đoạn 2024 và 2025 như được trình bày trong giải trình Báo cáo tài chính 2025.

2. Tổ chức và nhân sự:

a. Danh sách Ban điều hành: tại thời điểm 31/12/2025

Hiện tại, Công ty có 01 Tổng giám đốc, 04 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng. Các thành viên Ban điều hành của Công ty đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	308.068	0,4711%
2	Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	75.400	0,1153%

3	Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	7	-
4	Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	5.000	0,0076%
5	Nguyễn Mộc Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	0	0%
6	Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	8.764	0,0134%

b. Lý lịch Ban điều hành:

1. Ông Phạm Hoàng Việt – Tổng Giám Đốc	
Ngày sinh	25/11/1964
Nơi sinh	Tỉnh Hậu Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 308.068 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,47% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1986 – 1992	Nhân viên phòng kinh doanh - Đại lý Yamaha
1992 – 1996	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
1996 – 04/1997	Nhân viên Phòng Xuất nhập khẩu - Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu TH Sóc Trăng
04/1997 – 2002	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
2003 – 2004	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Cty CP TP Sao Ta
01/2005 – 08/2005	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
09/2005 – 03/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
04/2018 – Nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta

2. Ông Mã Ích Hưng - Phó Tổng Giám đốc	
Ngày sinh	11/02/1970
Nơi sinh	Phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 75.400 cổ phần chiếm 0,12% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
02/1992 - 01/1996	Công nhân Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
02/1996 - 07/1997	Công nhân Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
08/1998 - 12/2002	Quản đốc Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
01/2003 - 12/2004	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/2005 - 05/2006	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Cty CP TP Sao Ta
06/2006 - 30/11/2008	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
12/2008 - 06/2009	Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
24/07/2009 - 16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
16/04/2010 - 7/2010	Phó Tổng giám đốc Cty CP TP Sao Ta
07/2010 - 03/2018	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
04/2018 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta
10/08/2020 - Nay	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thực phẩm Khang An

3. Ông Hoàng Thanh Vũ - Phó Tổng Giám đốc	
Ngày sinh	26/02/1978
Nơi sinh	Mỏ Cày, Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến thủy sản
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có

Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 7 cổ phần Đại diện: không có
Quá trình công tác	
05/2000 - 04/2001	Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
05/2001 - 06/2002	Công nhân Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
06/2002 - 12/2002	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
01/2003 - 02/2005	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
03/2005 - 04/2010	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2010 - 04/2013	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2013 - 04/2015	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2015 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

4. Bà Lê Ngọc Hương – Phó Tổng Giám Đốc	
Ngày sinh	19/12/1971
Nơi sinh	Thốt nốt, Cần Thơ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Công nghệ chế biến Thủy sản
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 5000 cổ phần chiếm 0,01% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1996 - 1998	Thống kê XCB tại Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
1998 - 1999	KCS XCB tại Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
1999 - 2001	Phó ca sx Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
2001 - 2003	Trưởng khâu Tẩm bột Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp

	Sóc Trăng
2003 - 2006	Phó Quản đốc XCB Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
2006 - 2019	Quản đốc XCB Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
2019 - 06/2020	Giám đốc nhà máy Nam An Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
07/2020 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

5. Ông Nguyễn Mộc Khiêm –Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh	24/10/1982
Nơi sinh	TT Mỹ Xuyên - Huyện Mỹ Xuyên - Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại Học
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không
Số lượng cổ phần sở hữu	0
Quá trình công tác	
Từ tháng 09/2008	Công nhân cơ điện CTY CBTP Phương Nam
Từ tháng 03/2017	Công nhân cơ điện Cty CP TP Sao Ta
Từ tháng 6/2024 - Nay	Phó Tổng Giám đốc Cty CP TP Sao Ta

5. Ông Tô Minh Chăng – Kế toán trưởng

Ngày sinh	12/06/1970
Nơi sinh	Xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Không có
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 8.764 cổ phần chiếm 0,01% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
02/1994 - 09/1997	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)

01/2003 - 05/2003	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
06/2003 - 12/2004	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/2005 - 31/07/2006	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/08/2006 - 17/08/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
18/08/2006 - 31/07/2024	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
01/08/2024 – Hiện tại	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

c. Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2025:

Theo Biên bản họp HĐQT số 04/HĐQT.25 ngày 23/10/2025, HĐQT thống nhất chấp thuận đơn xin nghỉ việc của ông Phạm Hoàng Việt - Tổng Giám đốc Công ty, với thời điểm chuyển giao dự kiến từ ngày 01/01/2026 hoặc theo tình hình thực tế. Căn cứ Quyết định số 28/QĐBN.2026 ngày 24/02/2026, HĐQT bổ nhiệm ông Mã Ích Hưng - Phó Tổng Giám đốc, giữ chức Tổng Giám đốc thay ông Phạm Hoàng Việt, với nhiệm kỳ từ ngày 01/03/2026 đến 31/12/2028.

d. Số lượng cán bộ, nhân viên: tại thời điểm 31/12/2025

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
A	Theo trình độ lao động	3.791	100%
1	Trình độ trên Đại học	6	0%
2	Trình độ Đại học & Cao đẳng	449	12%
3	Trình độ Trung cấp	106	3%
4	Công nhân kỹ thuật	25	1%
5	Lao động phổ thông	3.205	85%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	3.791	100%
1	Hợp đồng không thời hạn	2.007	53%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	0	0%
3	Hợp đồng theo hợp đồng xác định từ 1- 3 năm	1.784	47%
C	Theo giới tính	3.791	100%
1	Nam	1.228	32%
2	Nữ	2.563	68%

e. Thu nhập bình quân: tại thời điểm 31/12/2025

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	3.910	4.071	3,791
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	10.800.000	11.100.000	12.100.000

f. Chính sách nhân sự:

- **Về đào tạo:** Công ty coi trọng công tác đào tạo và phát triển nhân lực, nhằm đảm bảo toàn bộ nhân viên có đủ năng lực chuyên môn và kỹ năng cần thiết để thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại Công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của Công ty được lập từ đầu năm. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của Công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004... Ngoài ra, Công ty còn thuê các chuyên gia đến Công ty trực tiếp đào tạo, hay gửi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành... Để thực hiện tốt công tác đào tạo, Công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ Công ty sau khi học tập.
- **Về tuyển dụng:** tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với Công ty. Trong dài hạn, Công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.
- **Về chế độ làm việc:** Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do Công ty quy định. Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày. Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của Công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.
- **Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ:** để tạo sự công bằng, hiện nay Công ty trả lương theo sản phẩm làm ra, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty qua các năm được cải thiện đáng kể. Hàng năm, Công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên. Chính sách khen thưởng của Công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C hoặc theo mức lương trung bình năm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

Tình hình kết quả kinh doanh tại các công ty con:

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM KHANG AN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	%2025/ 2024
1	Tổng tài sản	1.485.858	1.122.577	132,36
2	Doanh thu thuần	2.751.223	2.058.158	133,67
3	Giá vốn hàng bán	2.503.771	1.710.281	146,40
4	Doanh thu hoạt động tài chính	57.327	32.759	175,00
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	199.268	138.674	143,70
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	105.510	241.960	43,61
7	Lợi nhuận khác	125	(463)	
8	Lợi nhuận trước thuế	105.635	241.497	43,74
9	Lợi nhuận sau thuế	105.352	241.262	43,67

CÔNG TY TNHH VĨNH THUẬN

STT	Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	%2025/2024
1	Tổng tài sản	38.215	38.708	98,73
2	Doanh thu thuần	24.282	28.260	85,92
3	Giá vốn hàng bán	23.701	28.264	83,85
4	Doanh thu hoạt động tài chính	512	174	294,87
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	0	0	
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.093	169	645,86
7	Lợi nhuận khác			
8	Lợi nhuận trước thuế	1.093	168	650,77
9	Lợi nhuận sau thuế	1.093	168	650,77

4. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài chính: đã được nêu tại điểm a, khoản 1, mục II của báo cáo này.

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,72	2,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,32	1,26
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	45,92	34,68
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	84,93	53,08
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,65	6,16
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,90	1,94
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	4,72	6,11
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	15,21	17,98
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	8,97	11,85
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/Doanh thu thuần	%	5,01	6,11

• **Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:**

Trong năm 2025, Công ty duy trì khả năng thanh toán ở mức an toàn khi các hệ số đều lớn hơn 1, đảm bảo đáp ứng nghĩa vụ nợ ngắn hạn. Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 2,04 xuống 1,72 do gia tăng nợ ngắn hạn phục vụ hoạt động kinh doanh, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 1,26 lên 1,32, phản ánh chất lượng tài sản ngắn hạn được cải thiện.

Nhìn chung, Công ty tiếp tục kiểm soát tốt dòng tiền, đồng thời tận dụng hiệu quả chênh lệch lãi suất để gia tăng nguồn thu và đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn.

• **Chỉ tiêu về cơ cấu vốn :**

Năm 2025, cơ cấu nguồn vốn ghi nhận sự gia tăng đáng kể của đòn bẩy tài chính. Cụ thể, hệ số nợ/tổng tài sản tăng từ 34,68% lên 45,92% và hệ số nợ/vốn chủ sở hữu tăng từ 53,08% lên 84,93%. Diễn biến này phản ánh việc Công ty tăng cường sử dụng vốn vay nhằm đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc gia tăng sử dụng nợ vay góp phần hỗ trợ tăng trưởng và tối ưu chi phí vốn trong ngắn hạn, tuy nhiên cũng làm gia tăng mức độ rủi ro tài chính.

• **Chỉ tiêu về năng lực hoạt động :**

Hiệu quả hoạt động trong năm 2025 có sự cải thiện ở khía cạnh quản lý hàng tồn kho, với vòng quay hàng tồn kho tăng từ 6,16 vòng lên 7,65 vòng. Điều này phản ánh Công ty đã đẩy mạnh tiêu thụ và tối ưu chu kỳ sản xuất - kinh doanh, qua đó giảm thiểu chi phí lưu kho và rủi ro tồn đọng hàng hóa.

• **Chỉ tiêu về khả năng sinh lời :**

Các chỉ tiêu sinh lời trong năm có xu hướng giảm do tác động của chi phí đầu vào gia tăng và cùng với áp lực cạnh tranh về giá bán trên thị trường xuất khẩu. Tuy vậy, Công ty vẫn duy trì được mức lợi nhuận ổn định, cho thấy năng lực thích ứng và khả năng duy trì hoạt động hiệu quả trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a. Cổ phần: tại thời điểm 31/12/2025

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 65.388.889 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 65.388.889 cổ phiếu
- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 58.850.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 6.538.889 cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt tại ngày 17/03/2026

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (ngàn đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	1.656.000	16.560.000	2,53%
II	Cổ đông trong nước	43.366.430	433.664.300	66,32%
II.1	Cá nhân	9.605.946	96.059.460	14,69%
II.2	Tổ chức	33.760.484	337.604.840	51,63%
III	Cổ đông nước ngoài	20.366.459	203.664.590	31,15%
III.1	Cá nhân	605.000	6.050.000	0,93%
III.2	Tổ chức	19.761.459	197.614.590	30,22%
Tổng cộng (II+III)		65.388.889	653.888.890	100%

c. Danh sách cổ đông lớn

Danh sách chốt tại ngày 31/12/2025

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CÒ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU/VĐL(%)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PAN	81B, Quốc Lộ 62, Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh.	24.684.678	37,75%
2	CÔNG TY CỔ PHẦN CHĂN NUÔI C.P VIỆT NAM	KCN Biên Hòa II, Phường Long Hưng, Tỉnh Đồng Nai.	16.281.833	24,90%

STT	TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ SỞ HỮU/VĐL(%)
3	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN BẾN TRE	Số 79, Tổ 13, ấp Tân An Thị, Xã Phú Túc, Tỉnh Vĩnh Long.	8.089.000	12,37%

d. Thông tin thay đổi VCSH:

THỜI ĐIỂM	LẦN TĂNG	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
2003	01/01/2003	85.000.000.000	104.000.000.000	Cổ phần hóa, Nhà nước nắm giữ 77%
2003	22/11/2003	(44.000.000.000)	60.000.000.000	Giảm vốn Nhà nước còn 60%
2007	Lần 1: 20/07/2007	10.000.000.000	70.000.000.000	Phát hành 900.000 cổ phiếu thường cho cổ đông hiện hữu và thường 100.000 cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt
2008	Lần 2: 21/05/2008	9.000.000.000	79.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 1.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 48.000 đồng/cổ phiếu
2009	Lần 3: 01/02/2009	1.000.000.000	80.000.000.000	Cổ đông sáng lập góp vốn để tăng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên diễn ra ngày 04/04/2008.
2013	Lần 4: 30/03/2013	50.000.000.000	130.000.000.000	Phát hành riêng lẻ 5.000.000 cổ phiếu cho Nhà đầu tư chiến lược với giá phát hành là 10.500 đồng/cổ phiếu
2014	Lần 5: 31/03/2015	70.000.000.000	200.000.000.000	Phát hành ra công chúng 6.500.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 15.000 đồng/cổ phiếu và 500.000 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu
2016	Lần 6: 25/03/2016	100.000.000.000	300.000.000.000	Phát hành ra công chúng 10.000.000 cổ phiếu cho cổ đông

THỜI ĐIỂM	LẦN TĂNG	GIÁ TRỊ VỐN TĂNG THÊM	VỐN ĐIỀU LỆ SAU KHI TĂNG	HÌNH THỨC TĂNG VỐN
				hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu
2017	Lần 7: 23/05/2017	90.000.000.000	390.000.000.000	Phát hành ra công chúng 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 10.000 đồng/cổ phiếu
2018	Lần 8 20/06/2018	12.000.000.000	402.000.000.000	Phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty
2019	Lần 10: 06/11/2019	88.440.000.000	490.440.000.000	Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 804.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động và 8.040.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, vốn điều lệ của Công ty tăng từ 402 tỷ đồng lên 490,44 tỷ đồng.
2021	Lần 11: 11/03/2021	98.060.000.000	588.500.000.000	Phát hành ra công chúng số lượng 9.806.000 cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 19/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/10/2020, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 588,5 tỷ đồng.
	Lần 12: 29/12/2021	6.538.889.000	653.888.890.000	Phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược số lượng 6.538.889 cổ phiếu theo Nghị quyết số 21/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11/11/2021 theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, nâng vốn điều lệ Công ty lên 653.888.890.000 đồng.

e. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50% (theo Công văn số 7098/UBCK - PTTT về hồ sơ thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của CTCP Thực phẩm Sao Ta ngày 03/11/2021 của UBCKNN)

f. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

g. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty :

a. Tác động lên môi trường:

Trong bối cảnh ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, trở thành mối quan tâm chung trên toàn cầu, Việt Nam được đánh giá là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng đáng kể. Nhận thức rõ điều này, bên cạnh việc tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và vị thế trên thị trường, FMC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững và xây dựng doanh nghiệp thân thiện với môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao nhận thức và trách nhiệm về bảo vệ môi trường cho người lao động thông qua các chương trình đào tạo nội bộ, đồng thời tăng cường kiểm soát vận hành nhằm hạn chế tối đa rủi ro phát sinh sự cố môi trường. Trong năm, Công ty không ghi nhận sự cố môi trường trọng yếu nào. Công tác quản lý môi trường được duy trì ổn định, phù hợp với quy định pháp luật và định hướng phát triển bền vững của Công ty.

• Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

Công ty tuân thủ các quy định về phòng chống ô nhiễm theo tiêu chuẩn ISO 14001: 2015. Ngoài ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp phòng chống ô nhiễm môi trường thông qua sự hướng dẫn của các cơ quan môi trường địa phương như: thực hiện đánh giá tác động môi trường và cam kết thực hiện đúng quy định cam kết. Hàng năm thực hiện quan trắc môi trường 4 lần. Kết quả quan trắc chất lượng môi trường được đánh giá theo Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) hiện hành và đều nằm trong giới hạn cho phép, đảm bảo hoạt động sản xuất của FMC rất ít gây tác động đến môi trường xung quanh.

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 26.285 tấn CO₂
- Tổng chi phí xử lý môi trường: 690 triệu đồng

b. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Chất lượng sản phẩm luôn được Công ty đặt lên hàng đầu nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng và người tiêu dùng. Bên cạnh nguồn nguyên liệu tôm từ vùng nuôi của Công ty được kiểm soát chặt chẽ, các nguyên vật liệu thu mua từ bên ngoài cũng được lựa chọn kỹ lưỡng từ những nhà cung cấp uy tín. Đối với tôm nguyên liệu, Công ty có các chính sách để xác định đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, thường xuyên tổ chức đánh giá điều kiện nuôi 3-4 lần/năm phù hợp với các tiêu chí của Công ty. Đối với các chất thải tái chế, số bao bì carton, thùng giấy, Công ty bán cho nhà thầu bên ngoài, còn các bịch PE được tái chế thành lưới ngăn cua sử dụng cho ao nuôi tôm của Công ty.

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Tổng cộng	
			Năm 2025	Năm 2024
1	Nguyên liệu chính	Tấn	25.158	23.565
2	Bao bì các loại	Cái	6.887.129	8.531.442
3	PE	Kg	311.625	364.175
4	PA	Cái	29.669.437	30.133.252
5	Lượng thành phẩm tái chế sử dụng sản xuất ra sản phẩm khác	%	10,98	14,94

c. Tiêu thụ năng lượng:

Bảo vệ môi trường là yêu cầu cấp thiết, trong đó tiết kiệm năng lượng được xác định là giải pháp thiết thực góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường. Việc sử dụng năng lượng hiệu quả không chỉ thể hiện trách nhiệm đối với cộng đồng mà còn góp phần gìn giữ môi trường “xanh – sạch – đẹp”. Đối với doanh nghiệp, chi phí năng lượng có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí hoạt động, do đó việc tối ưu sử dụng năng lượng giúp cải thiện hiệu quả kinh doanh, gia tăng lợi nhuận và nâng cao năng lực cạnh tranh. Nhận thức rõ điều này, FMC luôn đề cao ý thức tiết kiệm năng lượng, triển khai các biện pháp sử dụng hiệu quả và thường xuyên nhắc nhở người lao động tuân thủ quy định như sử dụng đúng mục đích, đúng thời điểm và tắt các thiết bị khi không cần thiết.

Tổng năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Tổng cộng	
			Năm 2025	Năm 2024
1	Điện trực tiếp	kW	37.764.788	37.411.274
2	Điện gián tiếp	kW	275.229	261.187
3	Dầu DO	Lít	382.565	330.425
4	NH ₃	Kg	8.640	14.040

d. Tiêu thụ nước (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

Nguồn nước tại Nhà máy Thủy sản Nam An được sử dụng là nguồn nước ngầm đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép khai thác, dùng cho mục đích chính là sản xuất. Các nhà máy khác sử dụng nước từ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng. Việc khai thác nước mặn để sử dụng cho hoạt động nuôi trồng thủy sản tại trại nuôi tôm có đầy đủ giấy phép của cơ quan Tài nguyên - Môi trường. Hoạt động nuôi trồng thủy sản có sử dụng nước biển, do vậy việc lấy nước, xả nước cũng được dự báo, dự trữ và lập kế hoạch thực hiện nhịp nhàng nhằm đảm bảo không ảnh hưởng đến nguồn nước của khu vực xung quanh. Để sử dụng nước hiệu quả, có trách nhiệm không gây ô nhiễm, các trại nuôi có kế hoạch kiểm tra độ dẫn điện nước ngọt; quy định kiểm soát chất lượng nước; kế hoạch kiểm chỉ tiêu nước (giám sát chất lượng nước).

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

STT	Chi tiêu	ĐVT	Tổng Cộng	
			Năm 2025	Năm 2024
1	Nước trực tiếp	m ³	1,042.430	838.770

2	Nước gián tiếp	m ³	32.802	38.117
---	----------------	----------------	--------	--------

e. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Trong quá trình hoạt động, FMC luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, hướng đến mục tiêu phát triển bền vững và xây dựng doanh nghiệp thân thiện với môi trường. Theo đó, FMC có bộ phận chuyên trách về môi trường có trình độ chuyên môn phù hợp. Tất cả người lao động của Công ty thường xuyên được phổ biến về cách phân loại chất thải, rác thải, các quy định về việc sử dụng tiết kiệm năng lượng điện, nước... trong sản xuất và hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường, an toàn lao động. Tất cả các nhà máy sản xuất của FMC đều thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong quá trình hoạt động, các nhà máy tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về môi trường, thực hiện đo đạc, giám sát môi trường định kỳ 1 Quý/lần và báo cáo lên các cơ quan chức năng liên quan.

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

f. Chính sách liên quan đến người lao động:

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững, FMC luôn đề cao xây dựng đội ngũ nhân sự Chuyên nghiệp - Trách nhiệm - Hiệu quả như một chiến lược dài hạn. Theo đó, môi trường làm việc tại FMC được vun đắp để nuôi dưỡng và thúc đẩy sự đoàn kết, phát triển toàn diện cho mỗi cá nhân với nền tảng bao gồm hệ thống quy tắc đạo đức ứng xử, các chương trình đào tạo chuyên môn Giáo dục đạo đức nghề nghiệp và các đặc trưng văn hóa của FMC. Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực bài bản và tầm nhìn chiến lược, FMC cam kết tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mỗi cá nhân được phát huy tối đa năng lực, cống hiến cho sự thành công chung của Công ty, cụ thể:

- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 năm 2 lần đối với người lao động làm việc tại khu vực sản xuất và khối văn phòng 01 năm/lần.
- Tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được Công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen...
- Thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của Công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi, được quy định trong thỏa ước lao động tập thể, được cơ quan chức năng thừa nhận.
- Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, Công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể: Trong mỗi Nhà máy, Xí nghiệp, Công ty đều có trang bị các căn tin, các phòng đọc sách, khu vui chơi giải trí cho người lao động.
- Xây dựng các chính sách thu hút, giữ chân những nhân tài, đồng thời các chương trình thi đua để tăng gắn kết người lao động với Công ty.

g. Hoạt động đào tạo người lao động:

Năm 2025, FMC tiếp tục chú trọng và nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Các chương trình đào tạo được xây dựng linh hoạt, bám sát nhu cầu công việc và tình hình thực tế của Công ty. Nội dung đào tạo và diễn tập được triển khai nhằm đảm bảo các mục tiêu:

- Tuân thủ các yêu cầu đào tạo của luật pháp: Đào tạo sử dụng, vận hành các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn (lò hơi, xe nâng); Đào tạo, diễn tập PCCC; Đào tạo an toàn vệ sinh lao động; Tập huấn kiến thức Vệ sinh An toàn Thực phẩm (Tất cả người lao động trong Công ty đều đạt chứng nhận kiến thức Vệ sinh An toàn Thực phẩm do NAFIQAD cấp); Đào tạo về nuôi trồng bền vững như Viet GAP, Global GAP.
- Các cán bộ quản lý, lãnh đạo cũng được tạo điều kiện và khuyến khích tham gia các hoạt động đào tạo nâng cao về năng lực quản lý, điều hành công việc.
- Cung cấp thông tin về quyền lợi cá nhân người lao động, thông tin về an toàn, sức khỏe trong quá trình làm việc: Thông tin, tuyên truyền về quyền lợi người lao động, nội quy lao động, phúc lợi công ty; Đào tạo về đảm bảo an toàn, sức khỏe trong điều kiện sản xuất.
- Nâng cao nhận thức người lao động và cộng đồng về môi trường, xã hội: Bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, đóng góp cộng đồng; Đào tạo áp dụng các tiêu chuẩn môi trường, xã hội quốc tế như các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm BRC, HACCP, các tiêu chuẩn môi trường - xã hội như Global GAP, ASC, BSCI, SEDEX, An ninh nhà máy và phòng vệ sinh thực phẩm.

STT	Chương trình	Chi tiết
1	Đào tạo kỹ năng chuyên môn mỗi năm	Tổng số tham gia 3.791 người Số giờ đào tạo trung bình 16 giờ
2	Huấn luyện nghiệp vụ PCCC & CNCH	Tổng số tham gia 75 người Chi phí huấn luyện 22.560.000 đồng
3	Đào tạo an toàn lao động	Tổng số tham gia 306 người Chi phí đào tạo: 21.000.000 đồng
4	Đào tạo sơ cứu cấp cứu ban đầu	Tổng số tham gia 114 người Chi phí đào tạo: 11.400.000 đồng

h. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Bên cạnh người lao động, FMC cũng thường xuyên tham vấn và trao đổi với cộng đồng dân cư tại khu vực có hoạt động sản xuất, do đây là nhóm chịu ảnh hưởng trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Đồng thời, các hoạt động an sinh xã hội và từ thiện cộng đồng được duy trì thường xuyên, hướng đến mục tiêu lan tỏa giá trị tích cực, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng, trong đó bao gồm:

- Ủng hộ các đội đua trong Lễ hội Oóc Om Bóc- đua ghe Ngo ở Cần Thơ. Việc này góp phần bảo tồn di sản, phát huy và quảng bá các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương;
- Ủng hộ hàng tỷ đồng cho quỹ vì người nghèo, Tết Trung thu cho trẻ em nghèo, học bổng cho học sinh nghèo hiếu học, mua máy vi tính cho trường khuyết tật, hỗ trợ nạn nhân chất độc màu da cam, xây dựng cầu nông thôn;
- Với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, Công ty đã nhận phụng dưỡng suốt đời 5 mẹ VN anh hùng, ủng hộ quỹ giúp đỡ cựu chiến binh;

- Với lực lượng lao động gần 4 ngàn người, Công ty đã tạo công việc lâu dài cho đông đảo lực lượng lao động địa phương và nguồn thu nhập ổn định cho hàng ngàn gia đình, góp phần ổn định và xây dựng xã hội.

Tổng đóng góp cho cộng đồng trong năm 2025:

STT	Chi tiêu	DVT	Năm 2025
1	Quỹ vì người nghèo	Đồng	400,000,000
2	Phúc lợi khác	Đồng	193,400,000
3	Đóng góp cho cộng đồng	Đồng	189,200,000

i. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Sao Ta rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có chỉ thị từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

a. Tình hình diễn biến năm 2025:

Năm 2025 đã đi qua với đầy biến động mọi mặt đời sống trong nước lẫn thế giới, ngành tôm Việt đứng trước thách thức:

- Hoạt động nuôi tôm không khả quan, khiến sức cung tôm thương phẩm không nhiều, dẫn đến giá cả neo cao cả năm, gây khó khăn cho hoạch định kinh doanh.
- Các loại thuế ở thị trường Hoa Kỳ không ổn định, tiềm ẩn đầy rủi ro, bất trắc khiến việc đề ra sách lược thị trường của các doanh nghiệp tôm nói chung của Sao Ta nói riêng bị thụ động và thay đổi liên tục.

Từ đó dẫn đến các doanh nghiệp tôm nói chung chuyển hướng thị trường, gây sự cạnh tranh quyết liệt, thậm chí không lành mạnh ở các thị trường lớn còn lại.

b. Kết quả hoạt động năm tài chính 2025:

STT	Khoản mục	DVT	Riêng	Hợp nhất	KH 2025	%BCTC hợp nhất so với kế hoạch
1	Tôm TP chế biến	Tấn	19.019,01	29.543,04	25.000	118,17
2	Tôm TP tiêu thụ	Tấn	16.114,05	24.539,62	22.000	111,54
3	Nông sản chế biến	Tấn	N/A	1.016,36		
4	Nông sản tiêu thụ	Tấn	N/A	998,39	1.300	76,80
5	Doanh số chung	Tr.USD	185,05	291,33	255	114,25
6	Tổng doanh thu (*)	Tỷ đồng	5.477	8.191	6.540	125,24
7	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	373	411	420	97,86
8	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	N/A	349		
9	Cổ tức tính trên mệnh giá	%	20	20	20	100,00

Ghi chú: () Tổng doanh thu này bao gồm cả doanh thu bán tôm nguyên liệu tự nuôi lúc cao vụ thu hoạch.*

Đánh giá: Tham khảo tại Khoản 1, Mục II của báo cáo này.

Năm 2025 là một năm nhiều thách thức đối với ngành thủy sản nói chung và FMC nói riêng, đặc biệt trước những biến động khó lường của thị trường thế giới và các rào cản thương mại gia tăng. Trong bối cảnh đó, FMC đã chủ động thích ứng, duy trì hoạt động ổn định và tiếp tục tạo ra giá trị cho khách hàng, người lao động và cổ đông.

Những kết quả đạt được trong năm là minh chứng cho nỗ lực bền bỉ của toàn thể cán bộ, nhân viên cùng sự đồng hành của đối tác và cổ đông. Ban Lãnh đạo ghi nhận và trân trọng sự đoàn kết, tinh thần trách nhiệm và khả năng thích ứng của đội ngũ FMC trong suốt thời gian qua.

Bước vào giai đoạn tới, FMC sẽ tiếp tục kiên định với định hướng phát triển bền vững, nâng cao năng lực quản trị, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo và tối ưu hiệu quả hoạt động, đồng thời chú trọng hơn nữa đến yếu tố môi trường, xã hội và quản trị doanh nghiệp. Với nền tảng đã xây dựng và tinh thần đoàn kết, FMC tin tưởng sẽ vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội và tạo dựng giá trị lâu dài cho tất cả các bên liên quan.

c. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

Để vượt qua khó khăn lớn, Sao Ta cảm nhận phải nỗ lực nhiều hơn về mọi mặt. Lĩnh vực nuôi tôm, Sao Ta đã triển khai hai vụ nuôi trong năm do P.TGD Hoàng Thanh Vũ chịu trách nhiệm và đã có kết quả quan, thu về khoảng 11.500 tấn tôm thương phẩm, góp phần đáng kể làm giảm giá thành sản phẩm cuối cùng của Sao Ta, cạnh tranh được tốt hơn.

Lĩnh vực thị trường, sản phẩm, với sự thống nhất của Chủ tịch HĐQT và Tổng giám đốc Phạm Hoàng Việt, Sao Ta đã xác định phải tự cứu mình ở thị trường Hoa Kỳ bằng cách tăng tiêu thụ vào đây để Sao Ta được lựa chọn giải trình sổ sách, qua đó Sao Ta chủ động chứng minh để có mức thuế thấp nhất. Đồng thời Sao Ta luôn coi trọng việc mở rộng phạm vi bán hàng để giảm thiểu rủi ro.

Lĩnh vực chế biến, các nhà máy Sao Ta và công ty thành viên Khang An với sự điều hành của P.TGD Mã Ích Hưng, P.TGD Lê Ngọc Hương và TGD Dương Ngọc Kim (công ty Khang An) đều nỗ lực trong việc nâng cao năng suất và sản lượng chế biến, góp phần đáng kể để người lao động có thu nhập khá ổn định, trung bình trên 11 triệu đồng mỗi tháng. Tổng quan, các lĩnh vực hoạt động của Sao Ta đều có sự cố gắng vươn tầm.

Dẫn chứng thêm như lĩnh vực cơ điện do P.TGD Nguyễn Mộc Khiêm điều hành đã có rất nhiều tiến bộ, trong ứng dụng thành tựu KHKT cũng như làm chủ các công nghệ mới, để đưa hoạt động cơ điện ngày càng nề nếp ổn định và an toàn hơn.

Song song, con đường nhất quán của Sao Ta là theo đuổi phát triển bền vững, minh chứng năm 2025 là năm thứ 6 liên tục Sao Ta có tên trong top 100 DN Việt bền vững của cả nước.

2. Tình hình tài chính:

a. Tình hình tài sản:

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Tăng giảm 2025/2024
I	Tài sản ngắn hạn	3.806.036	2.641.239	144,10
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	1.159.214	1.077.461	107,59
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.055.925	140.043	754,00
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	559.290	370.481	150,96
4	Hàng tồn kho	884.713	1.001.948	88,30
5	Tài sản ngắn hạn khác	146.894	51.306	286,31
II	Tài sản dài hạn	1.029.117	1.133.649	90,78
1	Phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định	696.200	768.061	90,64
3	Tài sản dở dang dài hạn	29.810	90.685	32,87
4	Tài sản dài hạn khác	303.107	274.903	110,26
	Tổng tài sản	4.835.153	3.774.888	128,09

DVT: Triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại (31/12/2025)	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa và vật kiến trúc	787.916	364.082	46,21
Máy móc và thiết bị	924.920	291.400	31,51
Phương tiện vận tải	87.400	29.712	34,00
Thiết bị văn phòng	13.783	2.179	15,81
Tài sản khác	11.514	4.994	43,37
Cộng	1.825.533	692.367	37,93
Tài sản cố định vô hình			
Quyền sử dụng đất	4.872	3.631	74,53
Phần mềm máy tính	1.637	201	12,28
Tài sản khác			
Cộng	6.509	3.832	58,87

Tổng tài sản năm 2025 tăng so với năm 2024 chủ yếu do gia tăng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và thuế GTGT được khấu trừ. Công ty đã tối ưu hóa nguồn tiền nhàn rỗi thông qua việc gửi tiền có kỳ hạn nhằm gia tăng thu nhập tài chính, vừa đảm bảo thanh khoản vừa nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, từ tháng 7/2025, hoạt động thu mua tôm nguyên liệu phát sinh thuế GTGT 5% theo quy định, làm tăng số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, góp phần làm tăng tổng tài sản.

b. Tình hình nợ phải trả:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2025	31/12/2024	Tăng giảm 2025/2024
Nợ ngắn hạn	2.209.285	1.297.239	170,31
Nợ dài hạn	11.219	11.746	95,51
Tổng nợ phải trả	2.220.504	1.308.985	169,64

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

FMC luôn chú trọng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh, đồng thời xây dựng đội ngũ kế thừa đáp ứng yêu cầu phát triển dài hạn. Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo, phát triển nhân sự và chủ động xây dựng phương án nhân sự kế thừa để đảm bảo sự ổn định trong hoạt động quản lý, điều hành.

Bên cạnh đó, FMC liên tục cập nhật và hoàn thiện các quy định, quy chế nội bộ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, qua đó chủ động nhận diện và phòng ngừa rủi ro, thực hiện tốt chính sách quản lý lao động và duy trì mối quan hệ hài hòa với người lao động. Công ty cũng chú trọng đầu tư, nâng cấp hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đảm bảo vận hành thông suốt và an toàn.

Trong những năm gần đây, với việc đưa vào hoạt động các nhà máy mới, nhu cầu về đội ngũ nhân sự có năng lực quản lý và chuyên môn cao ngày càng cấp thiết. Để đáp ứng yêu cầu này, FMC đã triển khai các chương trình đào tạo và phát triển đội ngũ kế thừa, đồng thời thực hiện bổ nhiệm, luân chuyển nhân sự phù hợp với năng lực và vị trí công việc, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị và tính chuyên nghiệp trong toàn hệ thống.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:**a. Định hướng phát triển và giải pháp thực hiện:**

Trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 2025 và định hướng của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đề ra kế hoạch phát triển trong thời gian tới như sau:

Sao Ta xác định ngưỡng giới hạn của mình luôn còn ở phía trước. Từ đó hoạt động nghiên cứu phát triển sẽ luôn được coi trọng. Giai đoạn này quan tâm tập trung ứng dụng AI, các thành tựu KHKT khác vào việc quản trị và sản xuất. Muốn giải pháp này sớm có kết quả, Sao Ta coi trọng trang bị đội ngũ các kiến thức căn bản về quản trị giai đoạn mới, về kiến thức và ứng dụng AI cũng như sàng lọc, đánh giá lại đội ngũ qua nhiều giải pháp, nhất là giải pháp KPI.

Sao Ta quan tâm trong việc làm chủ tốt hơn chuỗi cung ứng của mình, thông qua nghiên cứu thử nghiệm sản xuất tôm giống. Nội dung này nằm trong Chiến lược phát triển Sao Ta giai đoạn 2025-2030 và trong định hướng của PAN. Kết quả còn ở phía trước nhưng đến nay đã có nhiều tín hiệu khả quan và hứa hẹn một tương lai tốt đẹp hơn trong hoạt động nuôi tôm nói riêng, hoạt động Sao Ta nói chung. Tổng quan, thời gian tới, Sao Ta thực hiện nghiêm túc quan điểm của Hội đồng quản trị, đó là:

- Đầu tư tập trung ngày càng hoàn thiện và toàn diện chuỗi cung ứng tôm.
- Phát triển bền chắc.
- Thực hiện các trụ cột cốt lõi gồm:
 - ❖ Nỗ lực giảm giá thành,

- ❖ Phong phú sản phẩm,
- ❖ Linh hoạt thị trường,
- ❖ Theo đuổi bền vững
- ❖ Và quan tâm công tác quản trị và nguồn nhân lực lâu dài.

Tóm lại, Sao Ta đã hoàn tất hoạt động năm 2025 là năm thứ 30 của mình với thành quả cao nhất so cả hành trình. Đây là niềm vui, sự phấn khởi của Sao Ta và công ty thành viên Khang An.

Dù trong hoàn cảnh tới đây còn đầy khó khăn như giá tôm nguyên liệu neo cao, rủi ro từ các sắc thuế, nhưng sẽ không hề chùn bước và phấn đấu năm 2026 tăng trưởng các chỉ tiêu 5%, riêng lợi nhuận tăng ít nhất 10%. Bên cạnh đó luôn tìm cơ hội tranh thủ bứt phá lợi nhuận lên 15%, 20% khi diễn biến thuận lợi, đáp ứng kỳ vọng của nhà đầu tư, cổ đông và sớm đứng vào top 2 doanh nghiệp tôm Việt.

b. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2026:

- Kế hoạch kinh doanh:

STT	Khoản mục	ĐVT	2026
1	Sản lượng tôm chế biến	Tấn	31.000
2	Sản lượng nông sản chế biến	Tấn	1.000
3	Doanh số tiêu thụ chung	Triệu USD	305
4	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	452
5	Cổ tức	%	20

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty:

Gắn kết với 17 Mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc (SDGs), FIMEX VN nhận diện và tích hợp các vấn đề trọng yếu dựa trên mức độ tác động đến tổng thể hoạt động, phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, đảm bảo hài hòa với lợi ích của các bên liên quan, bao gồm Kinh tế, Môi trường và Xã hội.

a. Trách nhiệm với môi trường:

Môi trường là nền tảng, là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém không chỉ ảnh hưởng đến hình ảnh của doanh nghiệp, mà còn tác động trực tiếp đến sự sống còn và phát triển bền vững của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể phát triển lâu dài, bền vững. Nhận thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, đồng thời với mục tiêu phát triển bền vững, Công ty FMC luôn chú trọng song song việc tăng gia hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo vệ môi trường. FMC không ngừng tìm tòi, nghiên cứu để tìm ra những giải pháp bảo vệ môi trường hiệu quả mà vẫn đảm bảo tăng trưởng kinh tế.

Hiện tại, FMC đang duy trì và liên tục cải tiến Hệ thống Quản lý Môi trường cho phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 14001:2015 – Tiêu chuẩn quốc tế về hệ thống quản lý môi trường. Việc đạt được chứng nhận ISO 14001 là minh chứng cho lời cam kết của Ban lãnh đạo và nhân viên FMC trong việc giảm thiểu các tác động môi trường vì mục tiêu phát triển bền vững, chứng tỏ khả năng ứng dụng hiệu quả chiến lược sử dụng năng lượng vào quy trình sản xuất của Công ty. Ngoài ra, trong năm 2023, FMC đã triển khai nhiều biện pháp nhằm hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường, bao gồm:

- Đầu tư các thiết bị xử lý nước thải hiện đại, đảm bảo nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn quy định.
- Tích cực áp dụng các công nghệ tiên tiến để giảm thiểu phát thải khí nhà kính, khí thải độc hại.

- Hạn chế tối đa chất thải và tái sử dụng/tái chế chất thải để sử dụng vào mục đích thích hợp.
- Phân loại và xử lý chất thải rắn, lỏng, khí thải,... một cách khoa học, hợp lý.
- Tăng cường sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, vật liệu.
- Các trại nuôi thực hiện lót bạt 100% các ao, hạn chế ảnh hưởng đến đất và hàng năm có kế hoạch kiểm tra độ dẫn điện đất để giám sát độ nhiễm mặn trong quá trình nuôi lên đất.

Những nỗ lực của FMC trong bảo vệ môi trường đã được ghi nhận và đánh giá cao, điển hình là danh hiệu top 10 Doanh nghiệp Việt bền vững. Việc bảo vệ môi trường là trách nhiệm của tất cả các doanh nghiệp. FMC mong muốn sẽ tiếp tục đồng hành cùng cộng đồng, góp phần xây dựng một môi trường sống xanh, sạch, đẹp cho thế hệ tương lai.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Với phương châm “Con người là yếu tố cốt lõi cho sự phát triển”, là người trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị, tạo ra sản phẩm, dịch vụ cho doanh nghiệp, năng suất lao động của doanh nghiệp phụ thuộc rất lớn vào người lao động. Vì vậy, doanh nghiệp cần tạo điều kiện tốt nhất cho người lao động phát huy năng lực, sáng tạo, cống hiến.

FMC là một doanh nghiệp luôn chú trọng đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động. Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, chăm sóc sức khỏe cho người lao động. Khi người lao động ốm đau, bệnh tật, Công ty có chính sách hỗ trợ nghỉ ốm, tai nạn,... Công ty cũng tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí cho người lao động nhân dịp lễ, tết,... Ngoài ra, Công ty còn khuyến khích con em của người lao động học tập bằng cách phát quà cho những em có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi, liên hoan cho các cháu nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Trung thu.

Để chia sẻ với người lao động những thành quả do chính họ đã đóng góp cho Công ty, từ nguồn quỹ khen thưởng phúc lợi tích lũy qua nhiều năm, FMC đã xây dựng những công trình và hoạt động phúc lợi cho người lao động như:

- Xây dựng nhà tập thể cho người lao động.
- Công ty có hội trường, là nơi để tổ chức các chương trình sự kiện.
- Tổ chức bếp ăn tập thể để cung cấp bữa ăn giữa ca cho tất cả nhân viên. Bữa ăn cho nhân viên của Công ty luôn cung cấp đủ dinh dưỡng và đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm.
- Với mong muốn tạo một không gian thoáng mát, sạch sẽ và là nơi tụ họp, thư giãn sau những giờ lao động mệt nhọc cho người lao động, Công ty đã nâng cao chất lượng dịch vụ căn tin và xây dựng phòng giải trí, khu vực nghỉ giải lao sau bữa cơm người lao động.

Với các hoạt động nêu trên, một mặt FMC đã mang lại những giá trị tinh thần to lớn cho người lao động, giúp người lao động yên tâm làm việc và gắn bó lâu dài cùng Công ty. Mặt khác tạo nên một nét văn hóa đặc trưng của một thương hiệu luôn quan tâm sâu sắc đến đời sống của người lao động. Các hoạt động cho người lao động trong năm 2025:

STT	Hoạt động	Đơn vị tính	Năm 2025
1	Thưởng cho con người lao động đạt thành tích trong học tập (khuyến học)	Triệu đồng	1.188

2	Quà Thiếu nhi	Triệu đồng	322
3	Quà trung thu	Triệu đồng	537
4	Quà 8/3	Triệu đồng	295
5	Chi hỗ trợ thu nhập cho người lao động	Triệu đồng	4.479
6	Chi tiền nghỉ mát	Triệu đồng	5.917

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta luôn đồng hành cùng những mảnh đời khó khăn, sẻ chia những gánh nặng cuộc sống, giúp họ có điều kiện trang trải cuộc sống và cho con em được đến trường. Dù đóng góp không nhiều, nhưng đó là trách nhiệm của doanh nghiệp với cộng đồng, đồng thời là sự đầu tư vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,... góp phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương và đất nước. Một đất nước giàu mạnh, một địa phương phát triển cũng là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của Công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

a. Tình hình hoạt động 2025:

- Năm 2025 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới và ngành thủy sản tiếp tục đối mặt nhiều biến động, bao gồm cạnh tranh ngày càng gay gắt, áp lực giá từ các quốc gia xuất khẩu tôm lớn, thay đổi chính sách thương mại tại các thị trường trọng điểm và tác động của biến đổi khí hậu. Trong bối cảnh đó, Công ty đã chủ động thích ứng và duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.
- Trong năm, sản lượng tôm chế biến và tiêu thụ đều ghi nhận mức tăng trưởng so với năm trước, góp phần thúc đẩy doanh thu hợp nhất tăng trưởng. Lợi nhuận trước thuế cơ bản hoàn thành kế hoạch, phản ánh nỗ lực của Công ty trong việc kiểm soát chi phí, duy trì thị trường và nâng cao hiệu quả vận hành.
- Bên cạnh kết quả đạt được, hoạt động của Công ty vẫn chịu áp lực từ chi phí đầu vào, biến động thị trường và các rào cản thương mại, đặc biệt tại một số thị trường xuất khẩu chủ lực. Tuy nhiên, với nền tảng nội lực vững chắc và sự chủ động trong điều hành, Công ty vẫn duy trì được hiệu quả hoạt động và đảm bảo các mục tiêu cơ bản đề ra.
- Các chỉ tiêu Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 như phần Báo cáo của Ban Tổng giám đốc.

b. Các hoạt động lớn 2025:

c. Hoạt động liên quan đến môi trường, xã hội:

Không chỉ đóng góp tích cực cho kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội và công ăn việc làm cho người dân, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta còn luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh Công ty và trong khu vực. Bởi môi trường là nơi nuôi dưỡng sự sống của tất cả chúng ta, tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng nâng cao, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các đối tác và khách hàng lớn của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta là các nước phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU,... đều đòi hỏi những sản phẩm chất lượng, đúng quy cách, nghiêm ngặt từ khâu nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp, khiến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm và đang ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm đến các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề trên, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã triển khai nhiều biện pháp bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu FMC trong mắt khách hàng nội địa và đối tác nước ngoài:

- Áp dụng chuẩn ISO 14000 và chuẩn thực hành nông nghiệp tốt (GAP): Đây là hệ thống tiêu chuẩn nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, giảm thiểu tác hại đến môi trường và an toàn cho lao động trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông sản. Nhờ áp dụng các tiêu chuẩn này, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã tạo ra được các sản phẩm có sức cạnh tranh tốt trên thị trường thế giới, nhất là ở các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU.
- Khuyến khích sử dụng vật liệu tái chế: Việc sử dụng vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội, vừa có lợi cho doanh nghiệp như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý rác thải, đầu tư hệ thống xử lý rác thải.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta hoạt động trong ngành nghề thực phẩm, do đó, vấn đề nguyên liệu đầu vào sạch là một thách thức đối với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh sản phẩm xanh, sản phẩm sạch trong mắt người tiêu dùng. FMC có một quy trình khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến và đưa ra thị trường. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm tươi ngon, đảm bảo quy cách. Việc nuôi trồng thủy sản, nông sản cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các sản phẩm theo những quy chuẩn quốc tế, hướng đến an toàn vệ sinh thực phẩm và đảm bảo sức khỏe người tiêu dùng.
- Đầu tư máy móc hiện đại: Việc đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất, đáp ứng khối lượng hàng hóa xuất ra thị trường, mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,... giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.

Với những nỗ lực liên tục trong công tác bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã đạt được nhiều ghi nhận tích cực từ các tổ chức trong và ngoài nước, qua đó góp phần củng cố uy tín và nâng cao hình ảnh thương hiệu FMC trên thị trường.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

Năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã chèo lái Công ty vượt qua sóng gió, đạt được những kết quả ấn tượng, hoàn thành xuất sắc kế hoạch, mục tiêu đề ra. Trong bối cảnh kinh doanh đầy thách thức, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tài năng và bản lĩnh, đưa ra nhiều giải pháp linh hoạt, kịp thời, đáp ứng nhu cầu của Hội đồng quản trị.

Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc triển khai các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng chủ động xây dựng và triển khai các giải pháp điều hành linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng quản trị.

Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các quy định về công bố thông tin đối với Công ty đại chúng và niêm yết chứng khoán theo quy định.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

a. Nhận định tình hình:

- Là giai đoạn công nghệ phát triển nhanh nhất, AI trở thành công cụ đắc lực thay thế con người trong nhiều lĩnh vực từ thấp tới cao, từ đơn giản tới phức tạp. Cần tiếp cận và ứng dụng thành quả để nâng cao hiệu suất hoạt động, tăng sức cạnh tranh.
- Là giai đoạn người tiêu dùng quan tâm hơn chất lượng cho cuộc sống. Từ đó tạo ra xu thế, nhu cầu trong hầu hết các lĩnh vực, và thực phẩm là một mối quan tâm hàng đầu. Người tiêu dùng đòi hỏi thực phẩm không chỉ đơn thuần là vệ sinh an toàn; là thêm tiện ích; giờ đây quan tâm nhiều về yêu cầu giữ gìn sức khỏe nên có xu thế sử dụng thực phẩm có nguồn gốc thực vật hoặc sử dụng thịt nhân tạo... Thời gian về sau này, yêu cầu thực phẩm phải thân thiện môi trường, công bằng, nhân đạo... như sản phẩm làm ra không có ảnh hưởng xấu môi trường, không cưỡng bức bóc lột lao động, bảo đảm phúc lợi động vật nuôi...
- Là giai đoạn thế giới rơi vào hoàn cảnh đầy biến động, bất định, phức tạp, mơ hồ. Xung đột chính trị, quân sự có thể xảy ra bất kỳ lúc nào khiến kinh tế thế giới dễ rơi tình trạng trì trệ, dẫn đến nhiều rủi ro phải có giải pháp ngăn ngừa, quản trị.
- Là giai đoạn biến đổi khí hậu khó lường, tác động không tốt tới tình hình phát triển nông sản nói chung, con tôm nói riêng. Khiến việc hoạch định hoạt động phải linh hoạt và có nhiều phương án.

b. Phương hướng 2026 và về sau:

Nhận thức:

Trong bối cảnh và tiền đề xây dựng kế hoạch năm 2026 và về sau : có 5 vấn đề cần lưu ý

- Ngành tôm thế giới đang bước vào giai đoạn cạnh tranh mang cấu trúc, không còn thuần túy về giá;
- Nguồn cung tôm lớn và giá rẻ từ Ecuador, Ấn Độ tạo áp lực mạnh lên phân khúc phổ thông;
- Các thị trường trọng điểm tiếp tục siết chặt các tiêu chuẩn kỹ thuật, bền vững, truy xuất (EU) và phòng vệ thương mại (Hoa Kỳ);
- Tình hình nuôi tôm của ta còn trong giai đoạn khó khăn, tỉ lệ nuôi thành công thấp, giá thành cao, áp lực lên sức cạnh tranh so tôm các nước khác.;
- Sao Ta bước sang giai đoạn sau 30 năm, yêu cầu chuyển từ “tăng trưởng bằng quy mô” sang tăng trưởng bằng chất lượng - hiệu quả - thương hiệu.

Mục tiêu tổng quát giai đoạn 2026 - 2030:

- Không mở rộng bằng mọi giá, chỉ đầu tư khi gia tăng năng lực cạnh tranh dài hạn và phù hợp

- chiến lược tích hợp chuỗi giá trị; ưu tiên mảng nghiên cứu sản xuất tôm giống và nuôi tôm;
- Xây dựng Sao Ta thành doanh nghiệp tôm có năng lực tích hợp cao gồm con giống - vùng nuôi - chế biến - khách hàng - phát triển bền vững. Khẳng định thương hiệu Sao Ta gắn với uy tín, chuẩn mực và sự tử tế trong kinh doanh quốc tế đồng thời từng bước xây dựng Sao Ta như một đối tác chiến lược của các nhà phân phối lớn và giữ vững vị thế doanh nghiệp top đầu ngành tôm Việt Nam trong phân khúc giá trị gia tăng và thị trường cao cấp.

Các trụ cột hoạt động trọng tâm năm 2026: gồm 5 trụ cột cơ bản

- Trụ cột 1: Nâng cao hiệu quả sản xuất qua việc kiểm soát chi phí chặt chẽ hơn nhằm đạt mục tiêu: Sản lượng tăng nhưng chi phí đơn vị giảm.
- Trụ cột 2: Nâng cấp danh mục sản phẩm - tăng giá trị gia tăng: Cụ thể ưu tiên sản phẩm chế biến sâu; sản phẩm tiện lợi, phục vụ bán lẻ và cao cấp và chú trọng phát triển sản phẩm phù hợp xu hướng tiêu dùng xanh - tiện lợi - truy xuất rõ ràng nhằm đạt mục tiêu: Biên lợi nhuận gộp cải thiện bền vững, không chạy theo tăng trưởng nóng.
- Trụ cột 3: Thị trường và khách hàng chiến lược: Cụ thể củng cố các thị trường trọng điểm: Mỹ - Nhật - EU (và Anh). Trong đó ưu tiên khách hàng có quan hệ dài hạn và các hệ thống phân phối lớn, uy tín; đồng thời thích ứng với các quy định mới về lao động, môi trường, ESG nhằm đạt mục tiêu: Bán được giá trị, không chỉ bán sản lượng.
- Trụ cột 4: Phát triển bền vững và chuyển đổi xanh: Đẩy mạnh các chương trình giảm phát thải, tiết kiệm năng lượng - nước và chú trọng kinh tế tuần hoàn trong chế biến... nhằm đạt mục tiêu: Bền vững trở thành lợi thế cạnh tranh thực sự.
- Trụ cột 5: Con người và quản trị: Phát triển đội ngũ kế thừa, ưu tiên trong lĩnh vực quản trị sản xuất và quản trị kinh doanh. Nâng cấp hệ thống quản trị trong quản trị rủi ro, quản trị dữ liệu và chú trọng quản trị theo mục tiêu (OKR/KPI). Tất cả nhằm đạt mục tiêu: Bộ máy tinh gọn - linh hoạt - hiệu quả và không bị gián đoạn.

Đối sách:

Trên nền tảng đang có, nhằm đáp ứng xu thế thế giới và đòi hỏi người tiêu dùng, nhằm đáp ứng các quy định của các cơ quan quản lý nhà nước và nhất là chăm lo tốt hơn đội ngũ lao động cũng như tham gia phúc lợi cộng đồng, FMC đề ra chiến lược giai đoạn sắp tới (2025-2030 và về sau) như sau: Tập trung hoàn thiện hơn văn hóa doanh nghiệp, nâng cao uy tín thương hiệu, đề cao đạo đức kinh doanh, coi trọng trách nhiệm xã hội... nhằm phát triển FMC bền vững, tiến tới cân bằng phát thải theo lộ trình quốc gia. Đồng thời luôn linh hoạt trong sách lược kinh doanh (thị trường, khách hàng, sản phẩm); từng bước nâng cao tỉ lệ tự chủ nguyên liệu sạch; quan tâm ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ nhằm nâng cao năng suất, chú ý tăng khả năng chống chịu rủi ro và hết sức coi trọng công tác chăm lo thể hệ lãnh đạo nguồn, bảo đảm cho sự hoạt động ổn định và liên tục. Ngoài ra, chú ý giữ tốt sự tương tác với cổ đông chiến lược nhằm tăng cường hỗ trợ và nâng tầm lẫn nhau.

Từ đó, Hội đồng quản trị có hệ thống giải pháp cho từng mảng công việc như sau:

- Tập trung hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp (VHDN): Xây dựng VHDN thân thiện môi trường, phát triển bền vững. Củng cố các giá trị cốt lõi đang có (trách nhiệm/ chất lượng/ đạo đức/ chia sẻ) trên nền tảng có sự chăm lo, hướng dẫn mọi thành viên cùng chung góc nhìn.
- Nâng cao uy tín thương hiệu: Luôn giữ chữ tín với khách hàng về chất lượng sản phẩm, tiến độ thực hiện hợp đồng đã ký kết và từng bước nâng tầm nhãn hiệu đã gây dựng 30 năm qua.
- Đề cao đạo đức kinh doanh: Chú trọng các yếu tố trung thực trong hoạt động và các đối tác; giữ

chữ tín trong mọi quan hệ thương mại và làm tốt mối quan hệ cộng đồng.

- Coi trọng trách nhiệm xã hội: Chú trọng tất cả các nội dung như chấp hành nghiêm pháp luật; hoạt động có hiệu quả; đóng góp phúc lợi xã hội...
- Linh hoạt trong sách lược kinh doanh:

* **Thị trường:** Tùy hoàn cảnh hàng năm, chú trọng thị trường mục tiêu, thị trường trọng điểm để giảm thiểu rủi ro và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Song song vẫn coi trọng các thị trường nhỏ, thị trường tiềm năng (Trung Quốc) và nhanh chóng tiếp cận khi cơ hội diễn ra.

* **Khách hàng:** Nỗ lực giữ vững mối quan hệ các khách hàng lớn và có mối quan hệ thương mại lâu dài, những khách hàng thuộc hệ thống phân phối tiêu thụ cấp cao... là nền tảng để duy trì hoạt động và phát triển. Từ đó, sẵn sàng ưu tiên chia sẻ khó khăn với các khách hàng này, nếu xét thấy có lợi cho chiều sâu. Từ đó, thực thi phương châm (SLOGAN) trong mối tương tác với khách hàng: **Cùng hợp tác, cùng phát triển, cùng thịnh vượng.**

* **Sản phẩm:** Coi trọng việc nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, sản phẩm chế biến sâu nhằm tăng sức cạnh tranh và đa dạng hóa sản phẩm, giảm thiểu rủi ro. Chú trọng sản phẩm mới phù hợp xu thế thế giới như sản phẩm không sử dụng lao động cưỡng bức, bóc lột, lao động trẻ em; sản phẩm có nguồn gốc coi trọng phúc lợi động vật và không gây tác động xấu môi trường.

- **Chủ động nguyên liệu sạch:** Thông qua nghiên cứu quy trình nuôi vi sinh ngày càng hoàn thiện hơn, giảm thiểu tác hại môi trường; thông qua mở rộng vùng nuôi, tập trung địa bàn gần như Sóc Trăng và Bạc Liêu.

- **Ứng dụng công nghệ mới:** Chú trọng tìm hiểu và ứng dụng các công nghệ mới trong nuôi tôm, chế biến tôm nhằm kiểm soát tốt, tăng năng suất và sản phẩm an toàn hơn.

- **Quản trị rủi ro:** Khi thế giới đầy biến động, không nên chủ quan, cần coi trọng quản trị rủi ro các mặt nhằm giảm thiểu tác động xấu.

- **Bổ sung, hoàn thiện cơ sở vật chất:** Tùy diễn tiến tình hình nhằm tranh thủ mọi cơ hội kinh doanh. Việc nâng cao sản lượng sẽ chú trọng nâng một ca sản xuất lên hai ca sản xuất nhằm giảm chi phí đầu tư, khấu hao nhanh hơn và góp phần giảm giá thành sản phẩm.

- **Quan tâm công tác đào tạo và chăm lo thể hệ nguồn:** Bảo đảm hoạt động liên tục và phát triển.

- **Chăm lo mối tương tác với cổ đông chiến lược:** Coi đây là người bạn đồng hành không thể thiếu nếu muốn đi xa.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

a. Thành phần và cơ cấu HĐQT: Tính tại ngày 31/12/2025

Thành viên Hội đồng quản trị công ty gồm 05 người, gồm: Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên HĐQT điều hành và 02 Thành viên độc lập HĐQT. Thành viên Hội đồng quản trị được phân công, phân nhiệm rõ ràng, phụ trách quản trị, định hướng mảng hoạt động phù hợp với chuyên môn và kinh nghiệm quản trị của mình.

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	710.000	1,09%
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	67.000	0,10%

3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	308.068	0,47%
4	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%
5	Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%

b. Thông tin HĐQT

1. Ông Hồ Quốc Lực - Chủ tịch HĐQT	
Ngày sinh	07/05/1956
Nơi sinh	Tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Tiến sĩ Kinh tế
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT của CTCP Thực phẩm Khang An; TV HĐQT của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre (ABT).
Số lượng cổ phần sở hữu	Cá nhân: 710.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,09% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1983 - 1986	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Hậu Giang
1986 - 1991	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II Hậu Giang
1991 - 1992	Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
1992 - 1994	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
1994 - 1996	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
1996 - 2003	Giám đốc Công ty Thực phẩm Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sóc Trăng
2003 - 2006	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
2007 - 10/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
10/2009 - 03/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
04/2018 - Nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thực phẩm Sao Ta
Từ 6/2020 – Nay	Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Khang An
Từ 2021 - Nay	Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT)

2. Bà Nguyễn Thị Trà My - Phó Chủ tịch HĐQT	
Ngày sinh	10/05/1970
Nơi sinh	Tỉnh Phú Thọ
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT Công ty CP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN-HULIC / Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 67.000 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,10% VDL Đại diện: không có
Quá trình công tác	
1993 - 1995	Trợ lý TGD Công ty International Business Advisor
1995 - 2012	Giám đốc Tài chính kiêm Phó TGD Công ty Biomin Việt Nam
2007 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP CSC Việt Nam
2013 - Nay	Thành viên HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam
2016 - Nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm TGD CTCP Tập đoàn PAN / Chủ tịch HĐQT CTCP PAN Farm / Chủ tịch HĐQT CTCP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam/ Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Thực phẩm Khang An từ tháng 6/2020/Phó Chủ tịch CTCP Thực Phẩm Sao Ta từ tháng 6/2020.

3. Ông Phạm Hoàng Việt - Thành viên HĐQT: xem tại phần 2.b, mục II của Báo cáo

4. Ông Nguyễn Văn Khải - Thành viên HĐQT độc lập	
Ngày sinh	04/11/1967
Nơi sinh	Tỉnh Thừa Thiên Huế
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Quản lý Công nghiệp
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT độc lập CTCP Thực phẩm Sao Ta
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chế HXK Long An (LAF) Trưởng Ban Kiểm soát – Công ty CP Chứng Khoán SSI (SSI) Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK Thủy Sản Bến Tre (ABT) Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang

Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: không có Đại diện: không có
Quá trình công tác	
06/1994 - 06/1995	Trợ lý Tổng Giám đốc - Công ty Liên doanh VU-TRAC
06/1995 - 12/1996	Kỹ sư - Công ty Liên doanh VU-TRAC
12/1998 - 05/2018	Giám đốc Điều hành Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình/ Phó Tổng Giám đốc - (Công ty CP Tập đoàn PAN)
11/1999 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty CP Chứng Khoán Sài Gòn (SSI)
09/2013 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Xuất nhập khẩu Thủy Sản Bến Tre (ABT)
04/2014 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công Ty CP Thủy Sản 584 Nha Trang
07/2014 - nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty CP Chế Biến HXK Long An (LAF)
06/2020 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CPTP Sao Ta (FMC)

5. Ông Boonlap Watcharawanitchakul	
Ngày sinh	02/08/1972
Nơi sinh	Bangkok
Quốc tịch	Thailand
Trình độ chuyên môn	Cử Nhân Đại Học Kasetsart -Thái Lan.
Các chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám Đốc Cấp Cao phụ trách ngành Thủy Sản tại C.P Việt Nam
Số lượng cổ phần sở hữu	
Quá trình công tác	
Từ 2001 - 2002	CPF– Trưởng Nhóm
Từ 2002 - 2004	CPF- Trưởng Bộ Phận
Từ 2004 - 2006	CPVN - Giám Đốc
Từ 2006 - 2008	CPVN - Trợ lý Phó Tổng Giám Đốc
Từ 2009 - 2015	CPVN - Phó Tổng Giám Đốc
Từ 2016 – Nay	CPVN - Phó Tổng Giám Đốc Cấp Cao
01/06/2024 - Nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP TP Sao Ta

c. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

d. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hoạt động kiểm tra, giám sát công tác quản lý, điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng quản trị thực hiện thường xuyên và chặt chẽ. Mục tiêu chính là nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của công ty, từ đó đưa ra các định hướng, giải pháp và chiến lược phù hợp, đảm bảo việc kinh doanh luôn bám sát mục tiêu đề ra và đạt hiệu quả tối ưu.

Trong năm HĐQT đã có 4 cuộc họp định kỳ và bất thường, cũng như đưa ra nhiều Nghị quyết quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động chung thông suốt.

Tỷ lệ tham gia của các thành viên HĐQT cụ thể như sau:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	04/04	100%
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT điều hành	04/04	100%
4	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT độc lập	04/04	100%
5	Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên HĐQT độc lập	04/04	100%

Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	01/NQ.HĐQT.25	03/01/2025	Phê duyệt giao dịch với Người có liên quan trong năm 2025	100%
02	02A/NQ.HĐQT.25	20/02/2025	Quyết ngày đăng ký cuối cùng (18/03/2025) để chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 ngày 18/04/2025.	100%
03	02B/NQ.HĐQT.25	24/04/2025	Quyết định trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt với mức chi 2.000 đồng/cổ phiếu theo Nghị quyết số 25/NQ.DHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025	100%

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

Trong năm đã có 4 cuộc họp định kỳ và bất thường, cũng như đưa ra nhiều Nghị quyết quan trọng nhằm bảo đảm cho hoạt động chung thông suốt. Những nội dung cụ thể được nêu trong Báo cáo quản trị năm 2025 (đã được công bố thông tin trên phương tiện đại chúng), đó là:

Chấp thuận các giao dịch của Công ty với Người có liên quan cho năm 2024 theo dự thảo Nghị quyết số 01/NQ.HĐQT.25 ngày 03/01/2025 đính kèm theo biên bản này.

- Thống nhất giao cho Tổng giám đốc thực hiện giao dịch, ký các hợp đồng tín dụng và thực hiện các thủ tục, nội dung liên quan với các ngân hàng thương mại trong năm 2025.
- Tổng kết hoạt động 2024 và đưa ra kế hoạch hoạt động năm 2025. Sơ kết hoạt động quý 1/2025.
- Thông qua chiến lược hoạt động giai đoạn 2025-2030.
- Ấn định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội, thông qua các tài liệu đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
- Quyết định chi cổ tức năm 2024 theo Nghị quyết số 25/NQ.ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 theo Nghị quyết số 25/NQ.ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025. Đơn vị kiểm toán được lựa chọn là Công ty Kiểm toán Deloitte - Chi nhánh tại Việt Nam.
- Tổng kết hoạt động 6 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch những tháng còn lại trong năm.
- Tổng kết hoạt động 9 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch những tháng còn lại trong năm.
- Chấp nhận đơn nghỉ việc của Tổng Giám đốc Phạm Hoàng Việt, dự kiến ông Mã Ích Hưng thay thế.
- Và Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT xem xét thời điểm thích hợp để quyết định việc chuyển giao chức vụ Tổng giám đốc giữa ông Phạm Hoàng Việt và ông Mã Ích Hưng
- HĐQT (cụ thể là Chủ tịch) thường xuyên trao đổi với Ban điều hành hàng ngày để có những ứng xử kịp thời những biến động tình hình trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Đánh giá về hoạt động HĐQT trong năm 2025:

- Công việc thường xuyên luôn được duy trì là sự phối hợp giữa HĐQT và Ban điều hành để kịp thời có những quyết sách phù hợp, góp phần đưa hoạt động FMC vượt qua khó khăn và quan trọng hơn là đạt những thành quả đáng khích lệ trong bối cảnh đầy biến động của kinh tế thế giới.
- HĐQT đã làm việc tích cực, hiệu quả: thường xuyên cập nhật, tình hình thị trường thế giới và các diễn biến kinh tế vĩ mô, qua đó đã đưa ra các khuyến nghị định hướng cho Ban Giám đốc trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

f. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

g. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

Không có

h. Ban Kiểm soát:

- Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: Tính tại ngày 31/12/2025

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	-	-
2	Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	-	-
3	Lý Thị Kim Yến	Thành viên BKS	-	-

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Về công tác quản lý điều hành của Công ty năm 2025

- Ban kiểm soát đánh giá Hội đồng quản trị đã thực hiện tốt vai trò định hướng, chỉ đạo và giám sát; các quyết định được ban hành kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế.
- Ban Tổng Giám đốc điều hành linh hoạt, triển khai hiệu quả các nghị quyết; chú trọng kiểm soát rủi ro, nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn thực phẩm.
- Công ty tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, quan tâm đến người lao động và tăng cường phối hợp nội bộ.
- Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc được duy trì chặt chẽ; Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác giám sát.

Hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2025:

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định, tập trung giám sát Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác quản lý, điều hành.
- Ban kiểm soát đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhằm đảm bảo giám sát toàn diện các hoạt động quản trị, tài chính và điều hành. Các thành viên tham gia đầy đủ, thực hiện nghiêm túc trách nhiệm được giao.
- Tổng thù lao của Ban kiểm soát trong năm là 276 triệu đồng.
- Qua công tác kiểm tra, giám sát, Ban kiểm soát không phát hiện sai phạm trọng yếu ảnh hưởng đến hoạt động của công ty và quyền lợi của cổ đông.

Kết quả giám sát tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh:

Ban kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam. Theo ý kiến kiểm toán, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2025, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành.

Các cuộc họp Ban kiểm soát:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	02	100%
2	Lý Thái Hưng	Thành viên BKS	02	100%
3	Lý Thị Kim Yến	Thành viên BKS	02	100%

Kế hoạch hoạt động thời gian tới của BKS:

- Kiểm tra, giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

- Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của công ty đảm bảo công khai, minh bạch và cung cấp thông tin đến cổ đông khi có yêu cầu theo Luật định và Điều lệ hoạt động của công ty.
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh của công ty đã được ĐHCĐ thông qua, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát:

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thù lao	Tổng lương và Thu nhập khác
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch HĐQT	144,000,000	1,883,194,000
2	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch HĐQT	144,000,000	400,000,000
3	Phạm Hoàng Việt	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	108,000,000	1,971,804,000
4	Tô Minh Chảnh	Phụ trách quản trị, Kế toán trưởng	72,000,000	1,382,848,000
5	Nguyễn Văn Khải	Thành viên HĐQT độc lập	108,000,000	300,000,000
6	Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên HĐQT độc lập	108,000,000	300,000,000
7	Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng BKS	108,000,000	754,842,000
8	Lý Thái Hưng	Thành viên	84,000,000	808,240,000
9	Lý Thị Kim Yển	Thành viên	84,000,000	150,000,000
10	Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	-	1,171,205,000
11	Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	-	1,472,744,000
12	Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc	-	1,041,375,000
13	Nguyễn Mộc Khiêm	Phó Tổng Giám đốc	-	1,120,807,000
Tổng cộng			960,000,000	12.757.059.000

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Trong năm 2025, các thành viên HĐQT, TGD, kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên không thực hiện giao dịch cổ phiếu nội bộ.

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên lạc	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, tổng giá trị giao dịch (đồng)	
1	CTCP Thực phẩm Khang An	Công ty thành viên	Giấy CNĐKDN số 2200780985 cấp ngày 19/08/2020 và các lần sửa đổi	Lô B, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ	Năm 2021	01/NQ.HĐQT.25 ngày 13/01/2025	Thu hộ ủy thác	804.695.319.758
							Mua hàng hóa	
							Bán hàng hóa	37.818.740.000
							Chi hộ ủy thác	122.066.111.153
							Chi hộ	75.130.823
							Thu nhập cổ tức	36.080.000.000
							Cung cấp dịch vụ xuất khẩu ủy thác	159.000.000
							Phí hợp tác kinh doanh	1.190.501.550
2	Công ty TNHH Vĩnh Thuận	Công ty thành viên	Giấy CNĐKDN số 2200205569 cấp lần đầu ngày 15/05/2002 và các lần sửa đổi	Khóm Biển Trên, Phường Vĩnh Phước, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam	Quý 3/2022	01/NQ.HĐQT.25 ngày 13/01/2025	Phí thuê tài sản	24.282.187.005
3	CTCP Tập đoàn PAN	Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10%	Giấy CNĐKDN số 0301472704 cấp ngày 20/03/2020 và các lần sửa đổi	Tầng 15, tòa ICON4, số 243A, Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, TP Hà Nội		01/NQ.HĐQT.25 ngày 13/01/2025	Chia cổ tức	49.369.356.000
4		Cổ đông lớn	Giấy CNĐKDN số 1300376365 cấp ngày	Số 79, tổ 13, ấp Tân An Thị, xã Phú Túc,	Năm 2021	01/NQ.HĐQT.25 ngày 13/01/2025	Chia cổ tức	16.178.000.000
							Bán hàng hóa	2.267.944.000

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên lạc	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, tổng giá trị giao dịch (đồng)	
	CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre		25/12/2003 và các lần sửa đổi	tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam			Chi hộ	332.648.400
							Mua dịch vụ	500.000.000
5	CTCP Chăn nuôi C.P Việt Nam	Cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10%	Giấy CNĐKDN số 3600224423 cấp lần đầu ngày 22/07/1996 và các lần sửa đổi	KCN Biên Hòa II, phường Long Hưng, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	Quý 4/2021	01/NQ.HĐQT.25 ngày 13/01/2025	Chia cổ tức	32.563.666.000
							Mua hàng hóa	315.596.548.100

d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

HĐQT xác định nâng cao chất lượng và năng lực quản trị công ty là một nội dung quan trọng trong định hướng chiến lược của Công ty nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế, kết hợp với sức mạnh tổng thể của các nguồn lực trong toàn hệ thống để kiểm soát, giám sát các hoạt động của công ty một cách có trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả.

- Công ty đã thực hiện theo quy định về quản trị Công ty theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Cụ thể tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (nghị quyết số 20/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/04/2021) đã thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ Công ty, đồng thời ban hành các quy chế như Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty, Quy chế HĐQT, Quy chế BKS.
- Thực hiện ký kết hợp đồng với Công ty kiểm toán phía nam (AASCS) thực hiện kiểm toán nội bộ năm 2024 theo quy định tại Nghị định số 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019.
- Tiếp tục cập nhật, sửa đổi, bổ sung và tuân thủ các quy định về công bố và minh bạch thông tin theo yêu cầu tại Thông tư 96/2020/TT-BTC;
- Cập nhật thông tin thường xuyên trên website: Hoạt động công bố thông tin, tình hình sản xuất kinh doanh định kỳ và các hoạt động khác được Công ty cập nhật thường xuyên trên Website cho các cổ đông, khách hàng, nhà đầu tư trong và ngoài nước dễ dàng tiếp cận;
- Tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty tham gia do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các đơn vị uy tín tổ chức. Bên cạnh đó, với cam kết thực hiện quản trị công ty trên cơ sở vận dụng các thông lệ quốc tế tốt nhất, Công ty sẽ thường xuyên cập nhật các kiến thức, thông lệ quốc tế về quản trị công ty trong và ngoài nước, đồng thời chủ động chia sẻ các thông tin liên quan đến quản trị doanh nghiệp và mô hình tổ chức bộ máy với các cổ đông lớn là tổ chức để tận dụng kinh nghiệm trong việc phát triển mô hình quản trị doanh nghiệp theo chuẩn mực quản trị quốc tế;
- Đẩy mạnh công tác quản lý rủi ro, tuân thủ và kiểm toán nội bộ để cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Cần Thơ, ngày 18 tháng 04 năm 2026

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mã Ích Hưng

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên (có đơn từ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2026)
Ông Nguyễn Văn Khải	Thành viên độc lập
Ông Boonlap Watcharawanitchakul	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Mã Ích Hưng	Tổng Giám đốc kiêm Người đại diện pháp luật (bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2026)
	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc (có đơn từ nhiệm ngày 09 tháng 01 năm 2026)
Bà Lê Ngọc Hương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mộc Khiêm	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	Trưởng ban
Ông Lý Thái Hưng	Thành viên
Bà Lý Thị Kim Yến	Thành viên

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Mã Ích Hưng

Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

Số: 0475 /VN1A-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 5 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 17 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình rà soát vụ kiện chống bán phá giá đối với tôm Việt Nam khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ do Bộ Thương mại Mỹ đang tiến hành cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 31 tháng 01 năm 2025 ("POR 20") là chưa có kết luận cuối cùng, cũng như giai đoạn tiếp theo đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là chưa được tiến hành rà soát.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Thị Thu Sang

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1144-2023-001-1

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
DELOITTE VIỆT NAM**

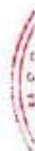
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

TP. Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Mai Hồng Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4834-2024-001-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.806.037.069.517	2.641.239.437.985
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.159.214.053.467	1.077.460.582.378
1. Tiền	111		477.361.663.211	91.860.582.378
2. Các khoản tương đương tiền	112		681.852.390.256	985.600.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.055.925.255.000	140.043.256.925
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	1.055.925.255.000	140.043.256.925
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		559.290.090.917	370.481.462.814
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	534.216.045.481	356.928.447.613
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	12.720.724.981	9.388.171.391
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	12.353.320.455	4.164.843.810
IV. Hàng tồn kho	140	10	884.713.190.560	1.001.947.789.487
1. Hàng tồn kho	141		884.713.190.560	1.001.947.789.487
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		146.894.479.573	51.306.346.381
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	20.950.428.531	21.324.022.201
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		125.944.051.042	29.982.324.180
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.029.116.918.127	1.133.649.464.998
I. Tài sản cố định	220		696.200.138.580	768.061.167.034
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	692.367.806.755	764.369.334.350
- Nguyên giá	222		1.825.533.924.971	1.724.139.502.168
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.133.166.118.216)	(959.770.167.818)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.832.331.825	3.691.832.684
- Nguyên giá	228		6.509.138.437	6.099.698.437
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.676.806.612)	(2.407.865.753)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		29.809.799.411	90.684.855.028
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	29.809.799.411	90.684.855.028
III. Tài sản dài hạn khác	260		303.106.980.136	274.903.442.936
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	303.106.980.136	265.452.341.113
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	9.451.101.823
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		4.835.153.987.644	3.774.888.902.983

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.220.504.006.600	1.308.985.491.015
I. Nợ ngắn hạn	310		2.209.285.229.850	1.297.239.673.765
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	113.224.595.979	118.099.892.333
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.825.342.406	15.133.834.791
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	17.878.070.612	4.195.692.239
4. Phải trả người lao động	314		84.541.094.915	96.886.554.979
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	396.738.943.144	114.814.455.639
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.298.906.487	595.781.242
7. Vay ngắn hạn	320	18	1.527.740.583.521	901.581.043.308
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	19	60.037.692.786	45.932.419.234
II. Nợ dài hạn	330		11.218.776.750	11.745.817.250
1. Phải trả dài hạn khác	337		880.000.000	885.000.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	10.338.776.750	10.860.817.250
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.614.649.981.044	2.465.903.411.968
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	2.614.649.981.044	2.465.903.411.968
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		653.888.890.000	653.888.890.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		653.888.890.000	653.888.890.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		593.681.126.002	593.681.126.002
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		37.303.914.783	-
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.047.717.313.762	920.130.829.923
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		699.056.703.796	614.430.317.509
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		348.660.609.966	305.700.512.414
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		282.058.736.497	298.202.566.043
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		4.835.153.987.644	3.774.888.902.983


Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu


Tô Minh Chấn
Kế toán trưởng


Mã Ích Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng	01	23	8.191.234.558.827		6.920.256.745.568	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	5.983.827.097		7.633.256.410	
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		8.185.250.731.730		6.912.623.489.158	
4. Giá vốn hàng bán	11	24	7.212.047.418.042		6.160.943.040.573	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		973.203.313.688		751.680.448.585	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	153.440.965.763		112.137.556.837	
7. Chi phí tài chính	22	27	66.248.171.769		53.243.210.391	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		51.097.396.540		23.192.064.018	
8. Chi phí bán hàng	25	28	556.897.192.409		297.000.179.598	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	93.532.431.805		91.457.807.651	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		409.966.483.468		422.116.807.782	
11. Thu nhập khác	31		1.651.420.003		288.642.372	
12. Chi phí khác	32		235.948.144		595.044.810	
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		1.415.471.859		(306.402.438)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		411.381.955.327		421.810.405.344	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	15.572.457.861		3.931.514.213	
16. Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	9.451.101.823		(4.737.137.414)	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		386.358.395.643		422.616.028.545	
17.1. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		348.660.609.966		305.700.512.414	
17.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		37.697.785.677		116.915.516.131	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	5.332		3.865	



Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu



Tô Minh Chanh
Kế toán trưởng



Mã Ích Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	411.381.955.327	421.810.405.344
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	02	180.713.587.494	183.806.166.364
Các khoản dự phòng	03	(522.040.500)	1.373.893.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(12.531.831.712)	(10.648.561.858)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(63.052.470.905)	(23.835.210.130)
Chi phí lãi vay	06	51.097.396.540	23.192.064.018
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	567.086.596.244	595.698.756.738
Thay đổi các khoản phải thu	09	(293.934.749.341)	(100.243.789.258)
Thay đổi hàng tồn kho	10	117.234.598.927	(2.120.829.301)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	271.286.066.035	141.528.375.327
Thay đổi chi phí trả trước	12	(37.281.045.353)	41.514.133.316
Tiền lãi vay đã trả	14	(50.491.405.550)	(23.038.701.201)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.741.484.539)	(2.879.713.875)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(58.808.775.015)	(49.016.431.657)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	513.349.801.408	601.441.800.089
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(52.223.181.239)	(114.049.204.668)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.988.333.334	202.693.603
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.113.195.255.000)	(352.243.736.925)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	197.313.256.925	526.616.999.173
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	53.514.327.216	27.190.723.210
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(912.602.518.764)	87.717.474.393



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	2.037.350.078.244	1.201.948.315.795
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.411.190.538.031)	(1.122.825.549.355)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(164.694.778.000)	(151.126.778.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	461.464.762.213	(72.004.011.560)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	62.212.044.857	617.155.262.922
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.077.460.582.378	451.603.648.884
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	19.541.426.232	8.701.670.572
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	1.159.214.053.467	1.077.460.582.378



Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng




Mã Ích Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") là một công ty cổ phần được chuyển đổi từ việc cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 09 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ) và Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2200208753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKDN điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết và giao dịch chính thức trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán là FMC từ ngày 07 tháng 12 năm 2006.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 750 Đường Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 5.323 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 5.652 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong năm và tới ngày báo cáo tài chính hợp nhất này ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Thuế đối ứng

Ngày 02 tháng 4 năm 2025, Tổng thống Hoa Kỳ Donald J. Trump đã ký Sắc lệnh hành pháp áp đặt mức thuế 46% đối với hàng hóa mà Hoa Kỳ nhập khẩu từ Việt Nam. Từ ngày 05 tháng 4 năm 2025 đến ngày 06 tháng 8 năm 2025, Tổng thống Trump và Chính quyền Hoa Kỳ đã áp dụng lệnh tạm hoãn áp đối với việc áp dụng thuế Đối ứng đối với hàng hóa nhập khẩu vào Hoa Kỳ từ một số đối tác thương mại (trong đó có Việt Nam), theo đó mức thuế suất áp dụng là 10%.

Ngày 31 tháng 7 năm 2025, Chính quyền Hoa Kỳ đã ban hành một Sắc lệnh Hành pháp mới để tiếp tục điều chỉnh chính sách Thuế đối ứng áp dụng đối với một số đối tác thương mại (bao gồm Việt Nam), nâng mức thuế áp dụng lên 20% áp dụng từ ngày 07 tháng 8 năm 2025 cho đến khi Hiệp định Thương mại song phương giữa Hoa Kỳ và Việt Nam được ký kết.

Ngày 20 tháng 02 năm 2026, Tòa án tối cao Mỹ ra phán quyết bác bỏ mức thuế quan từ 10 - 50% mà Tổng thống Donald Trump áp đặt với tất cả hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ. Ngay sau phán quyết của Tòa án tối cao, Tổng thống Trump đã ký một sắc lệnh hành pháp bãi bỏ một loạt sắc lệnh thuế quan với nhiều nước dựa trên IEEPA. Tuy nhiên ông cũng tuyên bố sẽ áp thuế 10% đối với hầu hết hàng hóa nhập khẩu vào Mỹ trong 150 ngày, miễn trừ cho một số mặt hàng nhất định bao gồm khoáng sản, kim loại và sản phẩm năng lượng thiết yếu.

Diễn biến kết quả kỳ rà soát thuế chống bán phá giá POR 19

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, Bộ Thương mại Mỹ đã công bố “Kết quả sơ bộ, thông báo ý định hủy bỏ một phần và quyết định hủy bỏ cuối cùng một phần trong đợt rà soát hành chính thuế chống bán phá giá năm 2023-2024” đối với một số sản phẩm tôm nước ấm đông lạnh có xuất xứ từ Việt Nam trong giai đoạn rà soát từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 31 tháng 01 năm 2024 (“POR 19”). Theo thông báo này, hai bị đơn bắt buộc chịu mức thuế suất dự kiến lần lượt là 35,29% và 0%, Công ty nằm trong danh sách các Công ty chịu thuế suất riêng biệt dự kiến 35,29%.

Ngày 17 tháng 02 năm 2026, Bộ Thương mại Mỹ đã công bố kết quả cuối cùng cho giai đoạn rà soát POR 19. Theo đó, hai bị đơn bắt buộc phải chịu chung mức thuế suất là 25,76%. Đối với nhóm doanh nghiệp đủ điều kiện hưởng mức thuế suất riêng biệt nhưng không bị kiểm tra bắt buộc (bao gồm Công ty), mức thuế suất áp dụng là 4,58%.

Ban Tổng Giám đốc Công ty nhận định môi trường thương mại quốc tế, đặc biệt là thị trường Mỹ, tiếp tục tiềm ẩn nhiều biến động và rủi ro thuế quan. Các chính sách phòng vệ thương mại có thể thay đổi theo từng kỳ rà soát, chịu ảnh hưởng lớn từ yếu tố chính sách, pháp lý và diễn biến cung – cầu toàn cầu, qua đó có thể tác động đáng kể đến hoạt động, những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Hiện tại, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đang thận trọng theo dõi và đánh giá ảnh hưởng có thể có của các vấn đề này đối với hoạt động của Công ty đồng thời xây dựng các chính sách để ứng phó với những thay đổi về thuế quan này.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Công ty nắm giữ tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Cần Thơ	51,54%	51,54%	Chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản
Công ty TNHH Vĩnh Thuận	Cần Thơ	99,10%	100%	Nuôi trồng thủy sản

Thông tin chi tiết về các chi nhánh của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Xí nghiệp nuôi thủy sản Xuân Phú	Thửa đất Số 1, Tờ bản đồ Số 13 tại ấp Tân Nam, Phường Vĩnh Phước, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Nhà máy Thủy sản Tân An	Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Ninh, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Nhà máy Thủy sản Nam An (FIMEX VN)	Số 750, Đường Võ Văn Kiệt, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta - Nhà máy Thủy sản Sao Ta	Lô K, Khu Công Nghiệp An Nghiệp, Phường Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty đã được kiểm toán.

HÀNG
Y T
TOÁ
T
NAI
5 C

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất số liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của công ty con của Công ty.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ ĐƯỢC BAN HÀNH

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 99 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các văn bản như sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (trừ các nội dung liên quan đến kế toán cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước);
- Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư 200;
- Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 200; và
- Thông tư số 195/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính của Công ty cho các kỳ kế toán trong tương lai, bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán các loại hàng tồn kho còn lại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	02 - 15
Máy móc và thiết bị	02 - 11
Phương tiện vận tải	02 - 08
Thiết bị quản lý	03 - 07
Khác	04 - 10

Trong đó, đối với những tài sản phục vụ nuôi tôm, chi phí khấu hao hàng năm được phân bổ vào giá thành tôm nuôi tương ứng với mỗi vụ nuôi tôm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa lãi từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuê tài sản

Công ty là bên đi thuê

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 39 đến 50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 01 đến 06 năm. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm máy vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm giá trị quyền sử dụng đất, phí bảo hiểm, công cụ và dụng cụ xuất dùng, chi phí bảo trì tài sản cố định và chi phí cải tạo ao.

Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm:

- Tiền thuê đất đã được trả trước theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ); và
- Giá trị quyền sử dụng đất khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có thời hạn sau năm 2003.

Giá trị quyền sử dụng đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng còn lại.

Phí bảo hiểm được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian được bảo hiểm.

Các chi phí trả trước khác bao gồm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng, là giá trị các công cụ, dụng cụ phục vụ quá trình sản xuất kinh doanh liên quan đến nhiều năm tài chính;
- Chi phí bảo trì tài sản cố định, là các chi phí duy tu, bảo dưỡng, thay thế sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của tài sản; và
- Chi phí cải tạo ao.

Các chi phí này được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty và được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Trong đó, đối với những khoản chi phí trả trước phục vụ nuôi tôm, chi phí phân bổ hàng năm được phân bổ vào giá thành tôm nuôi tương ứng với mỗi vụ nuôi tôm.

Các khoản phải trả

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm tài chính nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo phải trích trước phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con phân phối lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty để dùng cho công tác khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, phục vụ nhu cầu phúc lợi công cộng, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Cổ tức chỉ được chi trả khi có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi có Quyết định chia cổ tức của Hội đồng Quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa dịch vụ đã tiêu thụ trong năm báo cáo nhưng đến năm sau mới phát sinh giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại, Công ty ghi giảm doanh thu ghi nhận trong năm báo cáo nếu các khoản giảm trừ doanh thu này phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Lãi tiền gửi và lãi đầu tư

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không tính thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	3.478.456.406	3.754.481.823
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	473.883.206.805	88.106.100.555
Các khoản tương đương tiền (i)	681.852.390.256	985.600.000.000
	1.159.214.053.467	1.077.460.582.378

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại của Công ty và các công ty con với kỳ hạn gốc không quá 03 tháng và lãi suất là 4,75%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: từ 4,4%/năm đến 4,75%/năm).

6. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	VND	VND	VND
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.055.925.255.000	-	140.043.256.925	-
	1.055.925.255.000	-	140.043.256.925	-

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tiền gửi có kỳ hạn phản ánh giá trị các hợp đồng tiền gửi tại các ngân hàng thương mại của Công ty và công ty con với kỳ hạn gốc trên 03 tháng đến 12 tháng và lãi suất từ 3,4%/năm đến 7,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 3,0% đến 4,6%/năm).

Một số hợp đồng tiền gửi của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty với tổng giá trị là 268.550.000.000 VND được công ty con cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 18.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Amanda Seafood Private Limited	174.306.174.004	182.713.196.790
Mazzetta Company, LLC	144.181.396.713	29.287.044.087
Kangamiut Seafood A/S	35.203.950.000	-
Kyokuyo Co., Ltd	30.153.513.098	47.928.427.170
Khác	150.371.011.666	96.999.779.566
	534.216.045.481	356.928.447.613

Quyền thụ hưởng toàn bộ khoản phải thu đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty tại các ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 18.

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Cty TNHH Thủy sản Công nghệ cao Việt Nam - Chi nhánh 1 tại Vũng Tàu	6.274.800.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido	1.209.012.480	-
INNOFRESH CO., LTD	845.813.620	-
Công ty TNHH Wilmar Marketing CLV	473.405.040	262.193.760
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Tâm My	-	2.584.027.304
Khác	3.917.693.841	6.541.950.327
	12.720.724.981	9.388.171.391

9. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	11.758.578.187	3.860.200.128
Tạm ứng cho nhân viên	184.623.169	68.940.213
Chi hộ	409.119.099	198.277.101
Phải thu khác	1.000.000	37.426.368
	12.353.320.455	4.164.843.810

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Thành phẩm	721.849.925.028	-	545.671.143.170	-
Hàng gửi đi bán	32.719.961.786	-	161.450.208.035	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	26.083.089.245	-	85.264.224.915	-
Nguyên vật liệu	62.841.208.308	-	106.391.701.782	-
Công cụ, dụng cụ và bao bì	39.158.685.534	-	50.546.796.375	-
Hàng mua đang đi trên đường	2.060.320.659	-	52.623.715.210	-
	884.713.190.560	-	1.001.947.789.487	-

Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An - công ty con của Công ty đã được sử dụng để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn của Công ty tại các ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 18.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	20.369.417.199	20.689.770.543
Phí bảo hiểm	581.011.332	634.251.658
	20.950.428.531	21.324.022.201
b. Dài hạn		
Quyền sử dụng đất	271.753.223.219	218.002.017.270
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	24.132.482.421	36.929.625.181
Chi phí bảo trì tài sản cố định	7.131.374.280	10.151.943.637
Chi phí cải tạo ao	89.900.216	368.755.025
	303.106.980.136	265.452.341.113



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý	Khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	746.676.351.179	867.860.726.033	85.672.175.571	12.996.533.486	10.933.715.899	1.724.139.502.168
Tăng do mua sắm	5.756.910.791	58.744.421.314	7.952.239.960	786.652.000	283.331.000	73.523.555.065
Xây dựng cơ bản hoàn thành	20.582.507.530	-	-	-	-	20.582.507.530
Tăng khác	14.900.515.397	-	-	-	297.252.418	15.197.767.815
Thanh lý	-	(1.684.872.370)	(6.224.535.237)	-	-	(7.909.407.607)
Số dư cuối năm	787.916.284.897	924.920.274.977	87.399.880.294	13.783.185.486	11.514.299.317	1.825.533.924.971
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	340.807.583.465	548.241.750.448	54.109.519.309	10.922.954.614	5.688.359.982	959.770.167.818
Khấu hao trong năm	83.027.141.837	86.352.255.338	9.552.701.289	680.776.222	831.771.949	180.444.646.635
Thanh lý	-	(1.074.158.090)	(5.974.538.147)	-	-	(7.048.696.237)
Số dư cuối năm	423.834.725.302	633.519.847.696	57.687.682.451	11.603.730.836	6.520.131.931	1.133.166.118.216
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	405.868.767.714	319.618.975.585	31.562.656.262	2.073.578.872	5.245.355.917	764.369.334.350
Tại ngày cuối năm	364.081.559.595	291.400.427.281	29.712.197.843	2.179.454.650	4.994.167.386	692.367.806.755

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 482.138.798.936 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 419.384.942.003 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình được Công ty sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng là 280.834.552.181 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 313.018.498.488 VND) như trình bày tại Thuyết minh số 18.

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.871.836.627	1.227.861.810	6.099.698.437
Tăng trong năm	-	409.440.000	409.440.000
Số dư cuối năm	4.871.836.627	1.637.301.810	6.509.138.437
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	1.187.670.613	1.220.195.140	2.407.865.753
Khấu hao trong năm	53.231.806	215.709.053	268.940.859
Số dư cuối năm	1.240.902.419	1.435.904.193	2.676.806.612
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	3.684.166.014	7.666.670	3.691.832.684
Tại ngày cuối năm	3.630.934.208	201.397.617	3.832.331.825

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.227.861.810 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 1.181.861.810 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Máy móc đang chờ lắp đặt	26.368.543.550	11.283.109.687
Chi phí phát triển dự án nuôi tôm	568.997.138	63.369.993.757
Dự án chữa nhà máy chế biến thủy sản Tam An	-	12.603.456.717
Khác	2.872.258.723	3.428.294.867
	29.809.799.411	90.684.855.028

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ	Giá trị/ Số có khả năng trả nợ
Kyokuyo Company Limited	55.572.705.892	36.291.125.772
Công ty TNHH MTV Vy Huỳnh	5.510.462.250	210.500.000
Công ty TNHH Bao bì xuất khẩu và Thương mại Vạn Thành	5.100.976.350	4.886.182.138
Laitram Machinery, Inc	-	17.630.190.000
Khác	47.040.451.487	59.081.894.423
	113.224.595.979	118.099.892.333
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Thuyết minh số 31)	1.193.218.501	3.140.105.271

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số tăng trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập cá nhân	1.821.456.041	32.186.796.408	32.176.976.892	1.831.275.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.609.076.927	15.572.457.861	1.741.484.539	15.440.050.249
Thuế giá trị gia tăng	747.842.871	2.386.543.080	2.544.820.745	589.565.206
Các khoản thuế khác và phải nộp khác	17.316.400	7.398.958.309	7.399.095.109	17.179.600
	4.195.692.239	57.544.755.658	43.862.377.285	17.878.070.612

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thuế chống bán phá giá (i)	379.373.331.370	102.974.980.759
Chi phí kiểm mẫu	6.409.611.000	-
Chi phí thuế chống trợ cấp	1.935.978.425	932.866.461
Chi thường hiệu quả nuôi tôm	1.511.000.000	3.200.000.000
Khác	7.509.022.349	7.706.608.419
	396.738.943.144	114.814.455.639

- (i) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá được áp dụng khi Công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ. Khoản chi phí này được Công ty ước tính và tạm trích trước vào chi phí trong từng năm tương ứng với giá trị và thời gian các lô hàng xuất khẩu tôm vào thị trường này, chi tiết lũy kế trích trước đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

	Số dư thuế dự phòng VND
Cho kỳ từ ngày 01/02/2023 đến ngày 31/01/2024	46.570.326.994
Cho kỳ từ ngày 01/02/2024 đến ngày 31/12/2025	332.803.004.376
	379.373.331.370

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 31 tháng 01 năm 2024, Công ty đang trích lập dự phòng thuế chống bán phá giá theo thuế suất 4,58%, là thuế suất theo kết quả cuối cùng từ Bộ Thương mại Mỹ cho giai đoạn rà soát từ ngày 01 tháng 02 năm 2023 đến ngày 31 tháng 01 năm 2024 ("POR 19"), được công bố ngày 17 tháng 02 năm 2026.

Cho giai đoạn từ 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày kết thúc năm tài chính này, thuộc kỳ rà soát thuế chống bán phá giá do Bộ Thương mại Mỹ đang tiến hành cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày 31 tháng 01 năm 2025 ("POR 20") và chưa có kết luận cuối cùng, cũng như giai đoạn tiếp theo đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bộ Thương mại Mỹ chưa tiến hành rà soát. Căn cứ trên thực tế tình hình áp đặt thuế quan của chính quyền Mỹ và diễn biến kết quả vụ kiện thuế chống bán phá giá kỳ POR 19, Ban Giám đốc đánh giá tình hình thuế quan tiềm ẩn mức độ rủi ro cao, biến động liên tục và khó lường trước, Công ty đang trích lập dự phòng thuế chống bán phá giá với số tiền là 332.803.004.376 VND theo thuế suất tham chiếu dựa trên lịch sử các kỳ POR trước đây.

Cho giai đoạn chưa có kết luận sau cùng về thuế suất thuế chống bán phá giá từ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đến ngày kết thúc năm tài chính này, trong trường hợp giả định thay đổi $\pm 1\%$ so với thuế suất chống bán phá giá mà Công ty đang áp dụng và giả định các yếu tố khác không thay đổi, chi phí thuế chống bán phá giá ước tính sẽ tăng hoặc giảm khoảng 30 tỷ VND, theo đó lợi nhuận trước thuế của Công ty cũng sẽ biến động tăng hoặc giảm một khoản tương ứng.

Ngành thủy sản Việt Nam, đặc biệt là mặt hàng tôm xuất khẩu sang thị trường Hoa Kỳ, thường xuyên chịu tác động của các biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá) do Bộ Thương mại Hoa Kỳ áp dụng qua từng kỳ rà soát hành chính. Do đó, Công ty đánh giá rằng tỷ lệ thuế suất mà Công ty đang áp dụng hiện nay cho kỳ POR 20 cũng như giai đoạn tiếp theo đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 phản ánh phù hợp tình hình cạnh tranh về giá của mặt hàng tôm nước ấm đông lạnh có xuất xứ từ Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Mỹ và môi trường thương mại quốc tế, đặc biệt là thị trường Mỹ, tiếp tục tiềm ẩn nhiều biến động. Khoản thuế phải nộp và chi phí thuế liên quan sẽ được điều chỉnh phù hợp theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ trong thời gian tới.

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (i)	760.182.042.308	760.182.042.308	2.808.650.916.787	2.829.286.768.658	739.546.190.437	739.546.190.437
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (ii)	141.399.001.000	141.399.001.000	2.416.620.998.440	2.035.424.735.918	522.595.263.522	522.595.263.522
Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng (iii)	-	-	230.702.987.096	86.942.006.211	143.760.980.885	143.760.980.885
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Sóc Trăng (iv)	-	-	413.000.975.518	332.152.282.409	80.848.693.109	80.848.693.109
Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á - Chi nhánh Cần Thơ (v)	-	-	131.022.694.584	90.033.239.016	40.989.455.568	40.989.455.568
	901.581.043.308	901.581.043.308	5.999.998.572.425	5.373.839.032.212	1.527.740.583.521	1.527.740.583.521

(i) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng như sau:

Đối tượng vay	Hợp đồng	Số dư cuối năm VND	Ngày đáo hạn và thông tin lãi suất	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Hợp đồng cho vay hạn mức số 043/25/HDHM/ST/CR C1	342.776.900.000	Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất từ 2,4%/năm đến 4,5%/năm.	- Tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất (Thuyết minh số 12); - Hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty tại Lô B, khu Công nghiệp An Nghiệp (Thuyết minh số 10); và - Quyền đòi nợ các khoản phải thu từ các hợp đồng thương mại (Thuyết minh số 7).
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Hợp đồng cho vay hạn mức số 079/25/HDCTD/ST/CR C1	396.769.290.437	Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 25 tháng 12 năm 2025). Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất từ 3,7%/năm đến 6,3%/năm.	- Tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất của Công ty (Thuyết minh số 12); - Hàng tồn kho và hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Khang An (Thuyết minh số 10); - Quyền đòi nợ các khoản phải thu từ các hợp đồng thương mại của Khang An (Thuyết minh số 7);

(ii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng như sau:

Đối tượng vay	Hợp đồng	Số dư cuối năm VND	Ngày đáo hạn và thông tin lãi suất	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Hợp đồng cho vay hạn mức số 44046/2025- HDCVTHM/NHCT822 -FIMEXVN	324.299.310.285	Đến hết ngày 10 tháng 10 năm 2026. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất 4%/năm.	- Tài sản cố định hữu hình gắn liền trên đất (Thuyết minh số 12); - Hàng thủy sản tồn kho luân chuyển tại kho Công ty, nhà máy Tin An, nhà máy Sao Ta (Thuyết minh số 10).
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Hợp đồng cho vay hạn mức số 64178/2024/HĐCVH M/NHCT822	198.295.953.237	Đến hết ngày 26 tháng 11 năm 2025. Thời hạn cho vay không quá 6 tháng. Lãi suất từ 4,4%/năm đến 4,8%/năm.	- Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại ngân hàng (Thuyết minh số 6).

(iii) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng TMCP Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Sóc Trăng như sau:

Đối tượng vay	Hợp đồng	Số dư cuối năm VND	Ngày đáo hạn và thông tin lãi suất	Tài sản đảm bảo
Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta	Hợp đồng tín dụng số 002/2025/677911/H ĐTD	143.760.980.885	Thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng (ngày 28 tháng 10 năm 2025). Thời hạn cho vay và lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Lãi suất 3,8%/năm	- Hàng tồn kho luân chuyển của Công ty ngoại trừ các tài sản đã dùng thế chấp cho các ngân hàng khác (Thuyết minh số 10); - Quyền đòi nợ các khoản phải thu từ các hợp đồng thương mại của Công ty (Thuyết minh số 7).

(iv) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Sóc Trăng như sau:

Đối tượng vay	Hợp đồng	Số dư cuối năm	Ngày đáo hạn và thông tin lãi suất	Tài sản đảm bảo
		Nguyên tệ	Quy đổi VND	
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Hợp đồng cấp tín dụng số SOC.DN.3122.11042 5	16.008.331.793	16.008.331.793	-Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại ngân hàng (Thuyết minh số 6).
		2.458.969	64.840.361.316	

(v) Chi tiết khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng thương mại cổ phần Nam Á - Chi nhánh Cần Thơ như sau:

Đối tượng vay	Hợp đồng	Số dư cuối năm		Ngày đáo hạn và thông tin lãi suất	Tài sản đảm bảo
		Nguyên tệ	Quy đổi VND		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An	Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 0544/2025/603-CV	1.555.459	40.989.455.568	Thời hạn đến hết ngày 20 tháng 8 năm 2026. Lãi suất từ 4,5%/năm.	- Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn mở tại ngân hàng (Thuyết minh số 6).

19. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	45.932.419.234	55.225.464.477
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	72.914.048.567	39.723.386.414
Chi quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	(58.808.775.015)	(49.016.431.657)
Số dư cuối năm	60.037.692.786	45.932.419.234

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Số dư khoản dự phòng phải trả dài hạn với số tiền 10.338.776.750 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.860.817.250 VND) là liên quan đến khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo chính sách kế toán trình bày tại Thuyết minh số 4.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024						
Số dư đầu năm trước	653.888.890.000	593.681.126.002	-	781.167.252.495	205.403.279.340	2.234.140.547.837
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	305.700.512.414	116.915.516.131	422.616.028.545
Chia cổ tức	-	-	-	(130.777.778.000)	(20.352.000.000)	(151.129.778.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(35.959.156.986)	(3.764.229.428)	(39.723.386.414)
Số dư cuối năm trước	653.888.890.000	593.681.126.002	-	920.130.829.923	298.202.566.043	2.465.903.411.968
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025						
Số dư đầu năm nay	653.888.890.000	593.681.126.002	-	920.130.829.923	298.202.566.043	2.465.903.411.968
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	348.660.609.966	37.697.785.677	386.358.395.643
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(130.777.778.000)	(33.920.000.000)	(164.697.778.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	37.303.914.783	(37.303.914.783)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	(52.992.433.344)	(19.921.615.223)	(72.914.048.567)
Số dư cuối năm nay	653.888.890.000	593.681.126.002	37.303.914.783	1.047.717.313.762	282.058.736.497	2.614.649.981.044

(i) Phản ánh số cổ tức đã chia trong năm, chi tiết như sau:

- Công ty đã chia cổ tức năm 2024 bằng tiền theo tỷ lệ 20%/mệnh giá (tương đương 2.000 VND/cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2024 số 025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/NQ.HĐQT.25 ngày 24 tháng 4 năm 2025 với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 15 tháng 5 năm 2025; và
- Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An – công ty con của Công ty đã chia cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông không kiểm soát theo tỷ lệ 20%/mệnh giá (tương đương 2.000 VND/cổ phần) theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 01/NQ.HĐQT.25 ngày 15 tháng 01 năm 2025 và được phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ.ĐHĐCĐ.25 ngày 18 tháng 4 năm 2025.

(ii) Phản ánh số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty số 025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 và của Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An – công ty con của Công ty số 01/NQ.ĐHĐCĐ.25 ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu phổ thông	65.388.889	65.388.889
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	65.388.889	65.388.889
Cổ phiếu phổ thông	65.388.889	65.388.889

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 26 ngày 06 tháng 3 năm 2026, vốn điều lệ của Công ty là 653.888.890.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	246.846.780.000	37,75	246.846.780.000	37,75
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	162.818.330.000	24,90	162.818.330.000	24,90
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	80.890.000.000	12,37	80.890.000.000	12,37
Cổ đông khác	163.333.780.000	24,98	163.333.780.000	24,98
Tổng cộng	653.888.890.000	100,00	653.888.890.000	100,00

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ Fair Trade (VND)	18.967.503	-
Quỹ Fair Trade (USD)	309.365	133.964

Phản ánh khoản tiền gửi ngân hàng thuộc quỹ Fair Trade mà Công ty thực hiện mở tài khoản và quản lý cân cứ theo thỏa thuận uỷ quyền với Đội quản lý Quỹ Fair Trade đại diện cho nhân viên Công ty.

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	16.562.260	3.052.779
Yên Nhật (JPY)	257.247	228.520
Euro (EUR)	6.423	134

Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.163.326.952	2.663.326.952
Trên 1 năm đến 5 năm	13.661.444.080	11.661.444.080
Trên 5 năm	94.787.593.087	95.493.299.251
	111.612.364.119	109.818.070.282

Các khoản thuê hoạt động này phản ánh các hợp đồng thuê đất của Công ty.

23. DOANH THU BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng thủy sản (i)	8.069.902.702.047	6.779.387.819.843
Doanh thu bán hàng nông sản (ii)	121.331.856.780	140.868.925.725
	8.191.234.558.827	6.920.256.745.568
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	5.969.050.375	7.444.559.030
Giảm giá hàng bán	14.776.722	188.697.380
	5.983.827.097	7.633.256.410
Trong đó: Giao dịch với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	2.267.944.000	4.661.623.000

(i) Cơ cấu doanh thu bán hàng thủy sản theo khu vực thị trường của Công ty như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán nội địa	839.253.859.302	773.280.880.882
Doanh thu bán xuất khẩu	7.230.648.842.745	6.006.106.938.961
Trong đó:		
Thị trường Mỹ	3.034.182.616.344	2.069.382.684.309
Thị trường Nhật	1.512.771.760.018	1.638.157.535.871
Thị trường Anh	1.334.360.234.330	1.089.623.216.676
Thị trường khác	1.349.334.232.053	1.208.943.502.105
	8.069.902.702.047	6.779.387.819.843

(ii) Doanh thu bán hàng nông sản của Công ty chủ yếu là doanh thu bán xuất khẩu.

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng thủy sản	7.142.521.076.009	6.062.653.683.349
Giá vốn hàng nông sản	69.526.342.033	98.289.357.224
	7.212.047.418.042	6.160.943.040.573

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.008.023.854.613	4.910.133.115.165
Chi phí nhân công	804.296.024.386	786.384.222.952
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	180.713.587.494	183.806.166.364
Chi phí dịch vụ mua ngoài	244.768.934.892	261.498.296.318
Chi phí khác bằng tiền	612.942.040.808	291.882.708.475
	7.850.744.442.194	6.433.704.509.274

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	91.516.116.822	88.505.040.310
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	61.924.848.941	23.632.516.527
	153.440.965.763	112.137.556.837
Trong đó: Giao dịch với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 31)	-	2.164.054.795

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	51.097.396.540	23.192.064.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.150.775.229	30.051.146.373
	66.248.171.769	53.243.210.391

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí bán hàng		
Chi phí vận chuyển	135.460.732.905	163.028.414.663
Chi phí thuế chống bán phá giá (i)	271.825.190.126	61.082.517.534
Chi phí thuế chống trợ cấp (ii)	60.193.617.825	7.140.427.455
Chi phí hoa hồng	10.242.215.599	1.556.473.644
Chi phí nhân viên	5.372.855.645	5.366.348.467
Khác	73.802.580.309	58.825.997.835
	556.897.192.409	297.000.179.598
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	59.059.762.955	56.457.874.338
Thuế và phí	10.947.844.083	9.914.298.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.797.069.138	5.654.418.948
Chi phí khấu hao và hao mòn	3.258.317.310	3.617.934.982
Khác	15.469.438.319	15.813.281.184
	93.532.431.805	91.457.807.651

- (i) Phản ánh giá trị thuế chống bán phá giá được trích trước như chi tiết tại Thuyết minh số 17.
- (ii) Phản ánh chi phí thuế chống trợ cấp với thuế suất 2,84% áp dụng khi Công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo quy định của Bộ Thương mại Mỹ về thuế chống trợ cấp.

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.572.457.861	3.931.514.209
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.451.101.823	(4.737.137.414)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25.023.559.684	(805.623.205)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành chỉ bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành và được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	411.381.955.327	421.810.405.344
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	229.388.930.066	51.796.200.894
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	3.043.822.259	4.424.826.772
- Các khoản chênh lệch tạm thời	226.345.107.807	47.371.374.122
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	640.770.885.393	473.606.606.238
Thu nhập được miễn thuế	487.918.442.617	435.713.917.480
Thu nhập được ưu đãi thuế 10%	149.980.306.948	36.470.235.386
Thu nhập chịu thuế suất thông thường 20%	2.872.135.828	1.422.453.372
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	15.572.457.861	3.931.514.209

Theo Các quy định hiện hành về thuế, Công ty và các công ty con được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn, Công ty và các công ty con được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong suốt thời gian hoạt động; và
- Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn, Công ty được hưởng thuế suất 10% trong suốt thời gian hoạt động.

Các thu nhập phát sinh từ các hoạt động kinh doanh còn lại của Công ty và các công ty con chịu thuế suất thông thường 20%.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	348.660.609.966	305.700.512.414
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(52.992.433.344)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	348.660.609.966	252.708.079.070
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	65.388.889	65.388.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	5.332	3.865

Số liệu lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty và Công ty Cổ phần Thực phẩm Khang An (như trình bày tại Thuyết minh số 21), cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ (VND)	305.700.512.414	305.700.512.414
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	-	(52.992.433.344)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	305.700.512.414	252.708.079.070
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	65.388.889	65.388.889
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	4.675	3.865

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm nay. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Công ty mẹ tối cao/Cổ đông lớn
Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn, Công ty trong cùng tập đoàn PAN
Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	Công ty trong cùng tập đoàn PAN
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	Công ty trong cùng tập đoàn PAN
Công ty Cổ phần phân phối Hàng tiêu dùng PAN	Công ty trong cùng tập đoàn PAN
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	Công ty trong cùng tập đoàn PAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với bên liên quan:

	<u>Năm nay</u> <u>VND</u>	<u>Năm trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	2.267.944.000	4.661.623.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	2.267.944.000	4.661.623.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	320.551.590.934	377.187.993.063
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	315.596.548.100	376.690.314.350
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam	4.059.822.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	255.922.222	268.954.955
Công ty Cổ phần phân phối Hàng tiêu dùng PAN	86.666.667	-
Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	52.631.945	228.723.758
Chia cổ tức	98.111.022.000	98.111.022.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	49.369.356.000	49.369.356.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P. Việt Nam	32.563.666.000	32.563.666.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	16.178.000.000	16.178.000.000
Thu hồi tiền cho vay	-	217.000.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	-	217.000.000.000
Nhận chi hộ	332.648.400	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	332.648.400	-
Lãi cho vay	-	2.164.054.795
Công ty Cổ phần Thực phẩm PAN	-	2.164.054.795

Số dư chủ yếu với bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
Phải trả người bán ngắn hạn	1.193.218.501	3.140.105.271
Công ty CP Chăn nuôi C.P. Việt Nam	859.980.000	2.598.400.000
Công ty Cổ phần Thủy sản 584 Nha Trang	276.396.000	290.471.351
Công ty Cổ phần Chế biến hàng Xuất khẩu Long An	56.842.501	251.233.920

Thu nhập gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác, Ban kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

Họ và tên	Năm nay VND	Năm trước VND
Ông Hồ Quốc Lực	2.027.194.000	1.994.503.000
Bà Nguyễn Thị Trà My	544.000.000	544.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	2.079.804.000	1.997.933.000
Ông Tô Minh Chăng	1.454.848.000	1.438.423.000
Ông Nguyễn Văn Khải	408.000.000	358.000.000
Ông Adisak Torsakul	-	277.000.000
Ông Boonlap Watcharawanitchakul	408.000.000	81.000.000
Bà Triệu Mai Lan	767.523.000	657.513.000
Bà Lưu Nguyễn Trúc Dung	862.842.000	822.631.000
Ông Lý Thái Hưng	892.240.000	746.975.000
Bà Lý Thị Kim Yến	234.000.000	204.000.000
Ông Hoàng Thanh Vũ	1.472.744.000	1.525.161.000
Ông Mã Ích Hưng	1.171.205.000	1.178.566.000
Bà Lê Ngọc Hương	1.041.375.000	1.056.753.000
Ông Nguyễn Mộc Khiêm	1.120.807.000	466.291.000
	14.484.582.000	13.348.749.000

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận: Theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản ("thủy sản"); mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản ("nông sản"). Trong đó, doanh thu, lợi nhuận và tổng tài sản của hoạt động thủy sản chiếm trên 99% trong tổng doanh thu, lợi nhuận và tổng tài sản của hợp nhất của Công ty. Do đó, Ban Tổng Giám đốc quyết định lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, không lập báo cáo theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận: Theo khu vực địa lý

Công ty có hoạt động bán hàng cả trong nước và xuất khẩu thành phẩm đến một số quốc gia như Mỹ, Nhật Bản, Anh, ... Tuy nhiên, các hoạt động kinh doanh của Công ty và công ty con được tổ chức và quản lý tập trung, không tách biệt theo thị trường. Cụ thể, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc ra quyết định và đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở tổng thể toàn Công ty, không sử dụng các báo thông tin riêng biệt cho từng khu vực địa lý hoặc từng thị trường xuất khẩu. Thông tin doanh thu xuất khẩu của Công ty theo thị trường được trình bày như tại Thuyết minh số 23. Các thông tin khác liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và nợ phải trả (ngoại trừ các khoản phải thu khách hàng có thể xác định theo từng đối tượng), chi phí hình thành tài sản cố định do không tách riêng được mục đích cho từng hoạt động, không phân bổ được theo khu vực địa lý.

33. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 458.438.000 VND (2024: 18.482.575.277 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia không bao gồm 11.758.578.187 VND (năm 2024: 3.860.200.128 VND), là số lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm mà chưa thu. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Số tiền đi vay thực thu và gốc vay thực trả trong năm

Tiền thu từ đi vay và tiền trả nợ gốc vay không bao gồm 3.962.648.494.181 VND (năm 2024: 3.320.798.281.634 VND) là số tiền thu và thanh toán các khoản vay có thời hạn vay dưới 3 tháng.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.



Lý Thị Thu Hồng
Người lập biểu



Tô Minh Chăng
Kế toán trưởng



Mã Ích Hưng
Tổng Giám đốc
Ngày 27 tháng 3 năm 2026

